

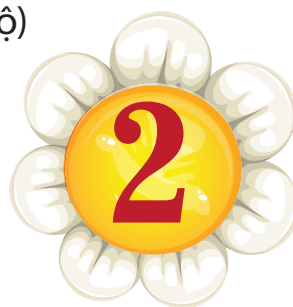
Đồng Chủ biên: TRẦN THANH BÌNH – ĐINH PHƯƠNG DUY – PHẠM QUỲNH
Đồng tác giả: TRẦN THỊ THUỶ DUNG – NGUYỄN HÀ MY
LÂM HỒNG LÂM THUỶ – NGUYỄN HUYỀN TRANG – LÊ PHƯƠNG TRÍ



TÀI LIỆU TẬP HUẤN GIÁO VIÊN

ĐẠO ĐỨC

(Tài liệu lưu hành nội bộ)



Mục lục

PHẦN MỘT: HƯỚNG DẪN CHUNG3

I. Sách giáo khoa môn Đạo đức	4
1. Quan điểm biên soạn.....	4
2. Những điểm mới của sách giáo khoa môn Đạo đức 2.....	5
3. Cấu trúc sách giáo khoa và cấu trúc bài học	5
II. Phương pháp dạy học môn Đạo đức.....	31
1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học môn Đạo đức	31
2. Một số hướng dẫn, gợi ý phương pháp, hình thức tổ chức dạy học môn Đạo đức lớp 2	32
III. Đánh giá kết quả học tập môn Đạo đức lớp 2	37
IV. Hướng dẫn khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên sách và các học liệu điện tử của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	38
1. Cam kết hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lý trong việc sử dụng tài nguyên sách và học liệu điện tử	38
2. Giới thiệu về hệ thống sách điện tử (<i>hanhtrangso.nxbgd.vn</i>)	40
V. Khai thác thiết bị và học liệu trong dạy học	41

PHẦN HAI: GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ BÀI HỌC43

I. Hướng dẫn dạy học dạng bài giáo dục đạo đức – giáo dục pháp luật.....	43
Bài 2. Nhận lỗi và sửa lỗi	45
Bài 15. Thực hiện quy định nơi công cộng.....	54
II. Hướng dẫn dạy học dạng bài giáo dục kỹ năng sống.....	64
Bài 11. Tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nhà, ở trường.....	66

PHẦN MỘT

HƯỚNG DẪN CHUNG

I. SÁCH GIÁO KHOA MÔN ĐẠO ĐỨC

1. Quan điểm biên soạn

Giáo dục công dân giữ vai trò chủ đạo trong việc giáo dục cho học sinh (HS) ý thức và hành vi của người công dân. Thông qua các bài học về lối sống, đạo đức, pháp luật, kinh tế, Giáo dục công dân bồi dưỡng cho HS những phẩm chất chủ yếu và năng lực cần thiết của người công dân, đặc biệt là tình cảm, nhận thức, niềm tin và cách ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật, có kĩ năng sống và bản lĩnh vững vàng để tiếp tục phát triển và sẵn sàng thực hiện trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam và hội nhập quốc tế.

Ở giai đoạn giáo dục cơ bản, môn Đạo đức ở cấp Tiểu học là môn học bắt buộc. Nội dung chủ yếu của môn học này là giáo dục đạo đức, pháp luật, giá trị sống, kĩ năng sống. Các mạch nội dung này định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng, nhằm hình thành cho HS thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập, sinh hoạt và ý thức tự điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.

Sách giáo khoa (SGK) *Đạo đức 2* là tài liệu chính thức để dạy học môn Đạo đức cho HS lớp 2. SGK *Đạo đức 2* bám sát định hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục – đào tạo được thể hiện qua các văn bản chỉ đạo như: *Nghị quyết số 29/NQ-TW* Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khoá XI), *Nghị quyết số 88/2014/QH13* của Quốc hội, *Quyết định số 404/QĐ-TTg* của Chính phủ.

SGK *Đạo đức 2* bám sát mục tiêu chung của Chương trình Giáo dục phổ thông (gồm Chương trình tổng thể và Chương trình các môn học; từ đây viết gọn là CTGD 2018) và mục tiêu cụ thể của Chương trình Giáo dục tiểu học 2018: “Giúp HS hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị

bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt”.

SGK *Đạo đức 2* tiếp cận quan điểm hiện đại về SGK của các nước phát triển, làm cho SGK trở thành tài liệu “tạo cơ hội giúp HS kiến tạo hiểu biết thông qua việc cung cấp nhiều nguồn kiến thức (...) cung cấp cho HS nhiều hoạt động học tập, phản ánh quan điểm kiến tạo về bản chất tích cực của học tập”¹; “ưu tiên nhiều hơn cho cách dạy, cách học và phát triển các kĩ năng học tập, kĩ năng sống, kĩ năng làm việc cho HS”²; tạo điều kiện cho giáo viên (GV) vận dụng sáng tạo các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học lấy hoạt động học của HS làm trung tâm.

SGK *Đạo đức 2* kế thừa những ưu điểm và kinh nghiệm biên soạn SGK *Đạo đức* của Chương trình Giáo dục phổ thông hiện hành³ (từ đây viết gọn là CTGD 2006) nhằm đảm bảo tính nhất quán, ổn định của toàn hệ thống giáo dục, phù hợp với năng lực sư phạm thực tế của đội ngũ GV hiện nay.

SGK *Đạo đức* tuân thủ Thông tư số 33/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo *Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn tổ chức, cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa*⁴ (sau đây viết gọn là *Thông tư 33/2017*); đồng thời thực hiện theo *Quy định về quy trình xuất bản sách giáo khoa của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam*⁵.

Chính tả sử dụng trong SGK *Đạo đức* thực hiện theo *Quy định tạm thời về chính tả trong sách giáo dục của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam*⁶.

-
- 1 Mike Horsley (2018), *Những xu hướng chính của việc đổi mới và hiện đại hoá chương trình, sách giáo khoa trong thời đại số và toàn cầu hoá*, in trong *Đổi mới và hiện đại hoá chương trình và sách giáo khoa theo định hướng phát triển năng lực* (Vũ Văn Hùng, Phan Xuân Thành, Trần Đức Tuấn đồng chủ biên), NXBGDVN, tr.10.
 - 2 Nguyễn Thị Lan Phương (2018), *Sự gắn kết chương trình và sách giáo khoa phổ thông nhằm phát triển năng lực cho người học*, in trong *Đổi mới và hiện đại hoá chương trình và sách giáo khoa theo định hướng phát triển năng lực* (Vũ Văn Hùng, Phan Xuân Thành, Trần Đức Tuấn đồng chủ biên), NXBGDVN, tr. 69-70.
 - 3 Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 5/5/2006 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT
 - 4 Ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22/12/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT
 - 5 Ban hành theo Quyết định số 647/QĐ-HĐTV ngày 13/11/2017 của Hội đồng thành viên NXBGDVN.
 - 6 Ban hành theo Quyết định số 372/QĐ-HĐTV ngày 14/6/2019 của Hội đồng thành viên NXBGDVN.

Tư liệu, hình ảnh sử dụng trong SGK Đạo đức thực hiện theo *Nghị định số 22/2018/NĐ-CP* của Chính phủ ngày 23/2/2018 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan.

2. Những điểm mới của sách giáo khoa môn Đạo đức 2

a. Về nội dung

– Về giáo dục đạo đức, SGK Đạo đức 2 tiếp tục xây dựng nội dung giáo dục đạo đức xoay quanh các mối quan hệ trong CTGD 2006 (với bản thân; với người khác; với công việc; với cộng đồng, đất nước, nhân loại; với môi trường tự nhiên) nhưng thay thế các mạch nội dung bằng các phẩm chất đạo đức chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

– Về giáo dục kỹ năng sống, SGK Đạo đức 2 bổ sung 2 chủ đề liên quan trực tiếp đến các kỹ năng nhận thức, quản lý bản thân và tự bảo vệ bản thân là: **1. Thể hiện cảm xúc bản thân** (gồm bài 9. *Những sắc màu cảm xúc*, bài 10. *Kiểm chế cảm xúc tiêu cực*); và **2. Tìm kiếm sự hỗ trợ** (gồm bài 11. *Tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nhà, ở trường*, bài 12. *Tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nơi công cộng*)

– Về giáo dục pháp luật, SGK Đạo đức 2 thay thế các kiến thức pháp luật nặng về lý thuyết bằng bài học thiết thực, phù hợp, vừa sức với chủ đề **Tuân thủ quy định nơi công cộng**.

b. Về hình thức

Theo *Nghị quyết số 88/2014/QH13*, một trong những mục tiêu của đổi mới chương trình, SGK giáo dục phổ thông là phát triển hài hoà đức, trí, thể, mỹ và phát huy tốt nhất tiềm năng của mỗi HS, đồng thời để phù hợp với đặc điểm, năng lực tư duy trực quan của HS tiểu học, SGK Đạo đức 2 chú trọng phát huy tối đa vai trò của kênh hình, dùng hình thay chữ; đảm bảo thể hiện chính xác, đẹp và hợp lý những nội dung giáo dục về chủ quyền quốc gia, quyền con người, quyền trẻ em, bình đẳng giới, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, v.v., giúp HS dễ dàng hiểu và tiếp thu nhanh nội dung, yêu cầu bài học bài học, thực hiện tốt các hoạt động học tập cần thiết; mặt khác tăng thêm tính thẩm mỹ và sức hấp dẫn của sách, tạo cảm giác nhẹ nhàng, thoải mái cho HS khi tiếp thu bài học.

3. CẤU TRÚC SÁCH GIÁO KHOA VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC

3.1. Ma trận nội dung của sách giáo khoa Đạo đức 2

3.1.1. Nội dung giáo dục Đạo đức lớp 2

a. Mục tiêu chung

Bước đầu hình thành, phát triển ở HS những hiểu biết ban đầu về chuẩn mực hành vi đạo đức, pháp luật và sự cần thiết thực hiện theo các chuẩn mực đó trong quan hệ với bản thân và người khác, với công việc, cộng đồng, đất nước, nhân loại và môi trường tự nhiên; thái độ tự trọng, tự tin; những tình cảm và hành vi tích cực: yêu gia đình, quê hương, đất nước; yêu thương, tôn trọng con người; đồng tình với cái thiện, cái đúng, cái tốt, không đồng tình với cái ác, cái sai, cái xấu; chăm học, chăm làm; trung thực; có trách nhiệm với thái độ, hành vi của bản thân.

Giúp HS bước đầu nhận biết và điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi của bản thân; biết quan sát, tìm hiểu về gia đình, quê hương, đất nước và về các hành vi ứng xử; biết lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch cá nhân, hình thành thói quen, nền nếp cơ bản, cần thiết trong học tập, sinh hoạt.

b. Nội dung giáo dục Đạo đức lớp 2

Nội dung giáo dục								
Giáo dục đạo đức (55%)					Giáo dục kĩ năng sống (25%)		Giáo dục pháp luật (10%)	Giáo dục kinh tế
Yêu nước	Nhân ái	Chăm chỉ	Trung thực	Trách nhiệm	Kĩ năng nhận thức, quản lí bản thân	Kĩ năng tự bảo vệ	--	--
– Em yêu quê hương – Giữ gìn cảnh đẹp quê hương	– Kính trọng thầy giáo, cô giáo – Yêu quý bạn bè – Quan tâm, giúp đỡ bạn – Chia sẻ yêu thương	Quý trọng thời gian	Nhận lỗi và sửa lỗi	– Bảo quản đồ dùng cá nhân – Bảo quản đồ dùng gia đình	– Những sắc màu cảm xúc – Kiểm chế cảm xúc tiêu cực	– Tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nhà, ở trường – Tìm kiếm sự hỗ trợ ở nơi công cộng	Thực hiện quy định nơi công cộng	

3.1.2. Phân tích ma trận nội dung sách giáo khoa Đạo đức 2

Nội dung dạy học và các yêu cầu cần đạt, đường phát triển năng lực được thể hiện qua các bài trong SGK Đạo đức 2:

Tên chủ đề	Tên bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt theo Chương trình	Năng lực	
				Năng lực đặc thù/chỉ báo	Năng lực chung
Quý trọng thời gian	Quý trọng thời gian	2	- Nêu được một số biểu hiện của việc quý trọng thời gian; - Biết vì sao phải quý trọng thời gian; - Thực hiện được việc sử dụng thời gian hợp lí.	Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận thức chuẩn mực hành vi: Nêu được một số biểu hiện của việc quý trọng thời gian; Nêu được vì sao phải quý trọng thời gian. Đánh giá hành vi của bản thân và người khác: Thể hiện được thái độ đồng tình với thái độ, hành vi thể hiện việc quý trọng thời gian; không đồng tình với thái độ, hành vi không thể hiện việc quý trọng thời gian. Điều chỉnh hành vi: Bước đầu biết thực hành sử dụng thời gian hợp lí và thực hiện được việc sử dụng thời gian hợp lí. Năng lực phát triển bản thân: Lập kế hoạch phát triển bản thân: Lập được kế hoạch cá nhân, sắp xếp hoạt động và lập thời gian biểu của cá nhân trong một ngày.	- Năng lực tự chủ và tự học - Năng lực giao tiếp và hợp tác
Nhận lỗi và sửa lỗi	Nhận lỗi và sửa lỗi	2	- Nêu được một số biểu hiện của nhận lỗi, sửa lỗi; - Biết vì sao phải nhận lỗi, sửa lỗi; - Thực hiện được việc nhận lỗi và sửa lỗi; - Đồng tình với việc biết nhận lỗi và sửa lỗi; không đồng tình với việc không biết nhận lỗi, sửa lỗi.	Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận thức chuẩn mực hành vi: Nêu được một số biểu hiện của nhận lỗi, sửa lỗi; Giải thích được vì sao phải nhận lỗi, sửa lỗi. Đánh giá hành vi của bản thân và người khác: Thể hiện được thái độ đồng tình với việc biết nhận lỗi và sửa lỗi; không đồng tình với việc không biết nhận lỗi, sửa lỗi. Điều chỉnh hành vi: Thực hiện được việc nhận lỗi và sửa lỗi; Bước đầu biết điều chỉnh và nhắc nhở bạn cùng thực hiện việc nhận lỗi và sửa lỗi.	- Năng lực tự chủ và tự học - Năng lực giao tiếp và hợp tác

Bảo quản đồ dùng cá nhân và gia đình	Bảo quản đồ dùng cá nhân	2	– Nêu được một số biểu hiện của việc biết bảo quản đồ dùng cá nhân; – Biết vì sao phải bảo quản đồ dùng cá nhân; – Thực hiện được việc bảo quản đồ dùng cá nhân; – Nhắc nhở bạn bè, người thân bảo quản đồ dùng cá nhân.	Năng lực điều chỉnh hành vi: – Nhận thức chuẩn mực hành vi: Nêu được một số việc làm để bảo quản đồ dùng cá nhân; Nêu được vì sao phải bảo quản đồ dùng cá nhân. – Đánh giá hành vi của bản thân và người khác: Nhận xét được việc làm của các bạn về việc giữ gìn và bảo quản đồ dùng cá nhân. – Điều chỉnh hành vi: Thực hiện được việc bảo quản đồ dùng cá nhân; Bước đầu nhắc nhở bạn bè, người thân bảo quản đồ dùng cá nhân.	Năng lực tự chủ, tự học
	Bảo quản đồ dùng gia đình	2	– Nêu được một số biểu hiện của việc biết bảo quản đồ dùng gia đình; – Biết vì sao phải bảo quản đồ dùng gia đình; – Thực hiện được việc bảo quản đồ dùng gia đình; – Nhắc nhở bạn bè, người thân bảo quản đồ dùng gia đình.	Năng lực điều chỉnh hành vi: – Nhận thức chuẩn mực hành vi: Nêu được một số biểu hiện của việc bảo quản đồ dùng của gia đình em; Nêu được lí do vì sao phải bảo quản đồ dùng trong gia đình. – Đánh giá hành vi của bản thân và người khác: Nhận xét được việc làm của các bạn về việc giữ gìn và bảo quản đồ dùng của gia đình. – Điều chỉnh hành vi: Thực hiện được việc bảo quản đồ dùng của gia đình em; Nhắc nhở người thân bảo quản đồ dùng của gia đình cẩn thận.	– Năng lực tự chủ, tự học – Năng lực giao tiếp và hợp tác
	Kính trọng thầy giáo, cô giáo và yêu quý bạn bè	2	– Nêu được một số biểu hiện của sự kính trọng thầy giáo, cô giáo; – Thực hiện được hành động và lời nói thể hiện sự kính trọng thầy giáo, cô giáo.	Năng lực điều chỉnh hành vi: – Nhận thức chuẩn mực hành vi: Nêu được một số biểu hiện của sự kính trọng thầy giáo, cô giáo; Nêu được vì sao phải kính trọng thầy, cô giáo của mình; Nêu được những việc làm cụ thể thể hiện lòng kính trọng thầy, cô giáo. – Đánh giá hành vi của bản thân và người khác: Nhận xét được một số thái độ, hành vi thể hiện lòng kính trọng thầy, cô giáo. – Điều chỉnh hành vi: Thực hiện được những việc làm cụ thể thể hiện lòng kính trọng thầy, cô giáo; Bước đầu biết nhắc nhở bạn bè cùng thực hiện những việc làm cụ thể thể hiện lòng kính trọng thầy, cô giáo.	Năng lực giao tiếp và hợp tác

Yêu quý bạn bè	1	– Nêu được một số biểu hiện của yêu quý bạn bè; – Thực hiện được hành động và lời nói thể hiện sự yêu quý bạn bè.	Năng lực điều chỉnh hành vi: – Nhận thức chuẩn mực hành vi: Có kiến thức cần thiết, phù hợp để duy trì mối quan hệ hoà hợp với bạn bè; Nêu được một số biểu hiện của yêu quý bạn bè; Nêu được vì sao phải yêu quý bạn bè; Nêu được những việc làm thể hiện yêu quý bạn bè. – Đánh giá hành vi của bản thân và người khác: Nhận xét được một số thái độ, hành vi thể hiện sự yêu quý bạn bè. – Điều chỉnh hành vi: Thực hiện được những việc làm thể hiện sự yêu quý bạn bè; Bước đầu biết nhắc nhở các bạn cùng thực hiện những việc làm thể hiện sự yêu quý bạn bè.	Năng lực giao tiếp và hợp tác
Quan tâm, giúp đỡ bạn	1	– Nêu được một số biểu hiện của sự quan tâm, giúp đỡ bạn; – Thực hiện được hành động và lời nói thể hiện sự quan tâm, giúp đỡ bạn; – Sẵn sàng tham gia hoạt động phù hợp với lứa tuổi để giúp đỡ các bạn gặp khó khăn hoặc có hoàn cảnh không may mắn, các bạn ở vùng sâu vùng xa hoặc vùng bị thiệt hại vì thiên tai.	Năng lực điều chỉnh hành vi: – Nhận thức chuẩn mực hành vi: Có kiến thức cần thiết, phù hợp để duy trì mối quan hệ hoà hợp với bạn bè; Nêu được một số biểu hiện của quan tâm, giúp đỡ bạn; Nêu được vì sao phải quan tâm, giúp đỡ bạn; Nêu được những việc làm thể hiện sự quan tâm, giúp đỡ bạn. – Đánh giá hành vi của bản thân và người khác: Nhận xét được một số thái độ, hành vi thể hiện sự quan tâm, giúp đỡ bạn. – Điều chỉnh hành vi: Thực hiện được những việc làm thể hiện sự quan tâm, giúp đỡ bạn; Bước đầu biết nhắc nhở các bạn cùng thực hiện những việc làm thể hiện sự quan tâm, giúp đỡ bạn.	Năng lực giao tiếp và hợp tác

	Chia sẻ yêu thương	1	– Nêu được một số biểu hiện của sự giúp đỡ, chia sẻ yêu thương; – Thực hiện được hành động và lời nói thể hiện sự giúp đỡ, chia sẻ yêu thương; – Sẵn sàng tham gia hoạt động phù hợp với lứa tuổi để giúp đỡ các bạn gặp khó khăn hoặc có hoàn cảnh không may mắn, các bạn ở vùng sâu vùng xa hoặc vùng bị thiệt hại vì thiên tai.	Năng lực điều chỉnh hành vi: – Nhận thức chuẩn mực hành vi: Nhận biết được một số đối tượng cần giúp đỡ trong xã hội; Nêu được những việc làm giúp đỡ người khác; Nhận biết được sự cần thiết của việc cần giúp đỡ, chia sẻ với những người có hoàn cảnh khó khăn, không may mắn trong xã hội. – Đánh giá hành vi của bản thân và người khác: Tự đánh giá được những điều đã học và làm được liên quan đến việc giúp đỡ các bạn có hoàn cảnh khó khăn. – Điều chỉnh hành vi: Thực hiện được các hoạt động và sẵn sàng tham gia hoạt động phù hợp với lứa tuổi để giúp đỡ các bạn gặp khó khăn hoặc có hoàn cảnh không may mắn, các bạn ở vùng sâu vùng xa hoặc vùng bị thiệt hại vì thiên tai. Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội: – Tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: Đề xuất được phương án phân công công việc phù hợp với lứa tuổi, thực hiện được nhiệm vụ của bản thân; Tham gia thực hiện các hoạt động, việc làm thiết thực, phù hợp với lứa tuổi để giúp đỡ các bạn có hoàn cảnh khó khăn.	Năng lực giao tiếp và hợp tác
Thể hiện cảm xúc bản thân	Những sắc màu cảm xúc	2	– Phân biệt được cảm xúc tích cực (thích, yêu, tự tin, vui vẻ, vui sướng, phấn khởi,...), cảm xúc tiêu cực (giận dữ, buồn chán, sợ hãi, tự ti, thất vọng,...); – Biết được ảnh hưởng của cảm xúc tích cực, cảm xúc tiêu cực đối với bản thân và mọi người xung quanh.	Năng lực điều chỉnh hành vi: Điều chỉnh hành vi: Bước đầu biết điều chỉnh và thể hiện được cảm xúc phù hợp trong các tình huống khác nhau. Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức bản thân: Phân biệt được cảm xúc tích cực (thích, yêu, tự tin, vui vẻ, vui sướng, phấn khởi,...), cảm xúc tiêu cực (giận dữ, buồn chán, sợ hãi, tự ti, thất vọng,...); Nhận biết được ảnh hưởng của cảm xúc tích cực, cảm xúc tiêu cực đối với hành vi đạo đức của bản thân và mọi người xung quanh.	– Năng lực giao tiếp và hợp tác – Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

	Kiểm chế cảm xúc tiêu cực	2	– Phân biệt được cảm xúc tích cực (thích, yêu, tự tin, vui vẻ, vui sướng, phấn khởi,...), cảm xúc tiêu cực (giận dữ, buồn chán, sợ hãi, tự ti, thất vọng,...). – Biết được ảnh hưởng của cảm xúc tích cực, cảm xúc tiêu cực đối với bản thân và mọi người xung quanh. – Biết kiểm chế các cảm xúc tiêu cực.	Năng lực điều chỉnh hành vi: Điều chỉnh hành vi: Thực hiện được những việc làm để làm chủ cảm xúc tiêu cực. Năng lực phát triển bản thân: Tự nhận thức bản thân: Nêu hoặc thể hiện bằng ngôn ngữ cơ thể những cảm xúc tiêu cực; Nêu được các bước làm chủ cảm xúc tiêu cực.	– Năng lực tự chủ và tự học – Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo
Tìm kiếm sự hỗ trợ	Tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nhà, ở trường	3	– Nêu được một số tình huống cần tìm kiếm sự hỗ trợ; – Biết vì sao phải tìm kiếm sự hỗ trợ; – Biết tìm kiếm sự hỗ trợ khi cần thiết.	Năng lực điều chỉnh hành vi: – Nhận thức chuẩn mực hành vi: Có kiến thức cần thiết, phù hợp để tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nhà, ở trường; Nêu được một số tình huống cần tìm kiếm sự hỗ trợ ở nhà, ở trường; Nêu được vì sao phải tìm kiếm sự hỗ trợ. – Đánh giá hành vi của bản thân và người khác: Thể hiện được thái độ phù hợp khi đề nghị được hỗ trợ và lòng biết ơn. – Điều chỉnh hành vi: Thực hiện được việc tìm kiếm được sự hỗ trợ khi cần thiết; Bước đầu biết điều chỉnh và nhắc nhở bạn bè, người thân tìm kiếm sự hỗ trợ khi cần thiết.	– Năng lực giao tiếp và hợp tác – Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo
	Tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nơi công cộng	2	– Nêu được một số tình huống cần tìm kiếm sự hỗ trợ; – Biết vì sao phải tìm kiếm sự hỗ trợ; – Biết tìm kiếm sự hỗ trợ khi cần thiết.	– Năng lực điều chỉnh hành vi: – Nhận thức chuẩn mực hành vi: Có kiến thức cần thiết, phù hợp để tìm kiếm sự hỗ trợ ở nơi công cộng; Nêu được một số tình huống cần tìm kiếm sự hỗ trợ ở nơi công cộng; Nêu được vì sao phải tìm kiếm sự hỗ trợ ở nơi công cộng. – Đánh giá hành vi của bản thân và người khác: Thể hiện được thái độ phù hợp khi đề nghị được hỗ trợ và lòng biết ơn. – Điều chỉnh hành vi: Thực hiện được việc tìm kiếm được sự hỗ trợ khi cần thiết; Bước đầu biết điều chỉnh và nhắc nhở bạn bè, người thân tìm kiếm sự hỗ trợ khi cần thiết.	– Năng lực giao tiếp và hợp tác – Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo



Quê hương em	Em yêu quê hương	3	– Nêu được địa chỉ của quê hương; – Bước đầu nhận biết được vẻ đẹp của thiên nhiên và con người ở quê hương mình; – Thực hiện được việc làm thiết thực, phù hợp với lứa tuổi thể hiện tình yêu quê hương: yêu thương gia đình; chăm sóc, bảo vệ vẻ đẹp thiên nhiên của quê hương; kính trọng, biết ơn những người có công với quê hương;...	Năng lực điều chỉnh hành vi: – Nhận thức chuẩn mực hành vi: Nêu được địa chỉ của quê hương; Bước đầu nhận biết được vẻ đẹp của thiên nhiên và con người ở quê hương mình. – Đánh giá hành vi của bản thân và người khác: Thể hiện được thái độ đồng tình với thái độ, hành vi thể hiện tình yêu quê hương; không đồng tình với thái độ, hành vi không thể hiện tình yêu quê hương. – Điều chỉnh hành vi: Thực hiện được việc làm thiết thực, phù hợp với lứa tuổi thể hiện tình yêu quê hương: yêu thương gia đình; chăm sóc, kính trọng, biết ơn những người có công với quê hương;... Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội: – Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội: Bước đầu biết quan sát, tìm hiểu về quê hương, nhận biết được vẻ đẹp của thiên nhiên và con người ở quê hương mình. – Tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: Tham gia thực hiện các hoạt động, việc làm thiết thực, phù hợp với lứa tuổi thể hiện tình yêu quê hương: yêu thương gia đình; chăm sóc, kính trọng, biết ơn những người có công với quê hương;...	– Năng lực tự chủ và tự học – Năng lực giao tiếp và hợp tác
	Giữ gìn cảnh đẹp quê hương	2	– Nêu được địa chỉ của quê hương; – Bước đầu nhận biết được vẻ đẹp của thiên nhiên và con người ở quê hương mình; – Thực hiện được việc làm thiết thực, phù hợp với lứa tuổi thể hiện tình yêu quê hương: yêu thương gia đình; chăm sóc, bảo vệ vẻ đẹp thiên nhiên của quê hương; kính trọng, biết ơn những người có công với quê hương;...	Năng lực điều chỉnh hành vi: – Nhận thức chuẩn mực: Nêu được một số cảnh đẹp thiên nhiên ở quê hương; Nêu được những việc làm giữ gìn cảnh đẹp thiên nhiên ở quê hương. – Đánh giá hành vi của bản thân và người khác: Thể hiện được thái độ đồng tình với thái độ, hành vi giữ gìn cảnh đẹp thiên nhiên; không đồng tình với thái độ, hành vi không bảo vệ, giữ gìn cảnh đẹp của quê hương. – Điều chỉnh hành vi: Thực hiện được việc làm thiết thực, phù hợp với lứa tuổi để bảo vệ vẻ cảnh đẹp của quê hương. Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội: – Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội: Bước đầu biết quan sát, tìm hiểu về quê hương, cảnh đẹp thiên nhiên quê hương. – Tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: Tham gia thực hiện các hoạt động, việc làm thiết thực, phù hợp với lứa tuổi để bảo vệ vẻ cảnh đẹp của quê hương	– Năng lực tự chủ và tự học – Năng lực giao tiếp và hợp tác

Tuân thủ quy định nơi công cộng	Thực hiện quy định nơi công cộng	4	– Nêu được một số quy định cần tuân thủ ở nơi công cộng; – Biết vì sao phải tuân thủ quy định nơi công cộng; – Thực hiện được các hành vi phù hợp để tuân thủ quy định nơi công cộng; – Đồng tình với những lời nói, hành động tuân thủ quy định nơi công cộng; không đồng tình với những lời nói, hành động vi phạm quy định nơi công cộng.	Năng lực điều chỉnh hành vi: – Nhận biết chuẩn mực hành vi: Nhận biết được một số chuẩn mực hành vi đạo đức; Nêu được một số quy định cần tuân thủ ở nơi công cộng; Nhận biết được sự cần thiết phải tuân thủ quy định nơi công cộng. – Đánh giá hành vi của bản thân và người khác: Thể hiện được thái độ đồng tình với những lời nói, hành động tuân thủ quy định nơi công cộng; không đồng tình với những lời nói, hành động vi phạm quy định nơi công cộng. – Điều chỉnh hành vi: Thực hiện được các hành vi phù hợp để tuân thủ quy định nơi công cộng; Nhắc nhở bạn bè cùng tuân thủ các quy định nơi công cộng.	– Năng lực tự chủ và tự học – Năng lực giao tiếp và hợp tác
--	----------------------------------	---	---	--	--

3.2. Cấu trúc sách giáo khoa Đạo đức 2

Tuân thủ quy định của *Thông tư 33/2017*, cấu trúc SGK *Đạo đức 2* có đầy đủ các thành phần cơ bản: Hướng dẫn sử dụng sách, Lời nói đầu, Bảng giải thích thuật ngữ, Mục lục, Bài học; trong đó:

Hướng dẫn sử dụng sách: Giới thiệu ngắn gọn về môn học, SGK môn học và nội dung, ý nghĩa của những hoạt động học tập chủ yếu của HS.

Lời nói đầu: Giới thiệu ngắn gọn, nhẹ nhàng, thân thiện, cởi mở với HS thông điệp về cuốn SGK như một người bạn thân thiết của các em.

Bảng giải thích thuật ngữ: Chọn lọc, giải thích và ghi chú sự xuất hiện của một số thuật ngữ quan trọng, liên quan đến *định hướng, cách thức tổ chức các hoạt động dạy học của GV*.

Mục lục: Thể hiện trình tự sắp xếp các bài học và số trang bắt đầu của bài học đó trong SGK.

Bài học: Giới thiệu các bài học như một chỉnh thể kiến thức, kĩ năng, thái độ liên quan trực tiếp đến mức độ yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực người học để tổ chức các tập thể HS thực hiện hoạt động học tập trong một thời gian nhất định và theo một kế hoạch dạy học nhất định. Đồng thời, như một mắt xích nhận thức, mỗi bài học đều có những mối liên hệ logic, mật thiết với các bài học trước và sau nó trong một chương trình giáo dục thống nhất.

3.3. Cấu trúc bài học SGK Đạo đức 2

Để quá trình tổ chức các hoạt động dạy học được thuận lợi, phù hợp với khả năng nhận thức, đặc điểm tâm sinh lí của HS và thời lượng tiết học ở Tiểu học, cấu trúc bài học trong SGK Đạo đức 2 bao gồm các thành phần: *Khởi động*, *Kiến tạo tri thức mới*, *Luyện tập*, *Vận dụng* và *Ghi nhớ*. Cụ thể:

Khởi động: Là hoạt động học tập nhằm:

- Tạo tâm thế cho HS chuẩn bị bước vào bài học; bước đầu cảm nhận về chuẩn mực hành vi đạo đức cần hình thành, phát triển;
- Tạo tình huống học tập trên cơ sở huy động kiến thức nền, khơi gợi cảm xúc đạo đức của HS;
- Kích thích hứng thú tìm tòi, khám phá, giải quyết vấn đề của HS về các biểu hiện cụ thể của hành vi đạo đức trong những hoạt động tiếp theo.

Ví dụ: Bài 3. *Bảo quản đồ dùng cá nhân* (trang 14).



Kiến tạo tri thức mới: Là hoạt động học tập nhằm giúp HS:

- Nhận diện các biểu hiện cụ thể của chuẩn mực hành vi đạo đức;

– Tự nhận xét và đưa ra phán đoán đúng/sai, nên/không nên, đồng tình/không đồng tình,... về những hành động có thể xảy ra trong các tình huống;

– Hiểu được sự cần thiết của việc thực hiện hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức trong cuộc sống hằng ngày.

Ví dụ: Bài 3. Bảo quản đồ dùng cá nhân (trang 15).

Kiến tạo tri thức mới

1. Bạn nào trong tranh biết bảo quản đồ dùng cá nhân?



2. Nêu thêm một số việc cần làm để bảo quản đồ dùng cá nhân.

3. Vì sao cần bảo quản đồ dùng cá nhân?

Luyện tập: Là hoạt động học tập nhằm giúp HS:

- củng cố kiến thức, kĩ năng vừa được kiến tạo;
- Luyện tập cách thức lựa chọn hành vi ứng xử của bản thân phù hợp với những tình huống đạo đức điển hình;

– Liên hệ thực tế bản thân, rút ra những kinh nghiệm nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi cá nhân một cách hiệu quả.

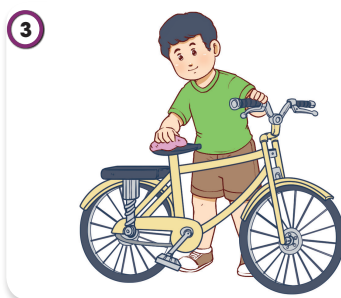
Ví dụ: Bài 3. Bảo quản đồ dùng cá nhân (trang 16).

Luyện tập

1. Nhận xét về việc làm của Cốm.
Nếu là Cốm, em sẽ làm gì?



2. Em đồng tình hay không đồng tình với việc làm của bạn nào? Vì sao?



Vận dụng: Là hoạt động học tập nhằm giúp HS:

- Hình thành và rèn luyện thói quen, nền nếp thực hiện các hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức trong cuộc sống hằng ngày;
- Tăng cường ý thức và năng lực thường xuyên vận dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề thực tiễn;
- Tăng cường hứng thú và tính sáng tạo trong ứng dụng kiến thức; thấy rõ giá trị của kiến thức đối với cuộc sống của bản thân và cộng đồng,...

Ví dụ: Bài 5. Kính trọng thầy giáo, cô giáo (trang 26).

Vận dụng

1. Thực hiện việc làm thể hiện sự kính trọng thầy giáo, cô giáo.

1



Chào hỏi lễ phép

2



Chăm chỉ học tập

3



Quan tâm, thăm hỏi

4



Làm thiệp, viết thư, viết lời chúc

2. Chia sẻ những việc em đã làm để thể hiện sự kính trọng thầy giáo, cô giáo.

3. Nhắc nhở bạn thực hiện những việc làm thể hiện sự kính trọng thầy giáo, cô giáo.

Ghi nhớ: Được xem như phần tiểu kết của bài học, thể hiện cô đúc những giá trị đạo đức cốt lõi một cách dễ nhớ, dễ thuộc.

Ví dụ: Bài 6. Yêu quý bạn bè (trang 30).

*Bạn bè đoàn kết, thương yêu
Buồn vui chia sẻ sớm chiều có nhau.*

3.3. Bài minh họa

3.3.1. Dạng bài giá trị đạo đức

Bài 8. CHIA SẺ YÊU THƯƠNG

Mục tiêu

- Nêu được một số biểu hiện của chia sẻ yêu thương;
- Sẵn sàng tham gia các hoạt động phù hợp để giúp đỡ các bạn gặp khó khăn, có hoàn cảnh không may mắn; các bạn ở vùng sâu, vùng xa, vùng bị thiệt hại vì thiên tai.

Khởi động

Nghe và cùng hát bài hát *Bầu và bí*.

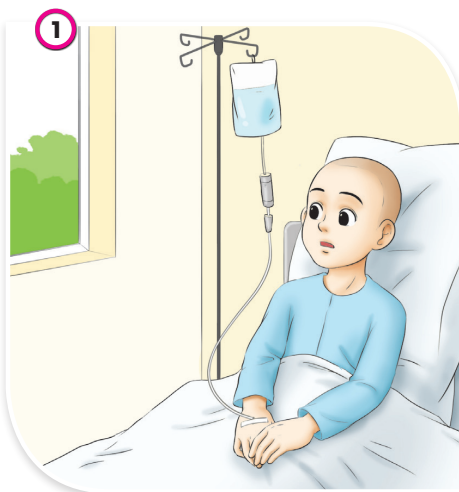
Nhạc và lời: Phạm Tuyên



1. Bài hát nhắc đến câu ca dao nào?
2. Bài hát khuyên chúng ta điều gì?

Kiến tạo tri thức mới

1. Nêu những khó khăn của các bạn trong tranh.
2. Nêu cảm nhận của em về hoàn cảnh của các bạn trong tranh.



3. Em có thể làm gì để chia sẻ với các bạn gặp hoàn cảnh khó khăn?

Luyện tập

1. Em đồng tình hay không đồng tình với việc làm nào của các bạn trong tranh? Vì sao?



2. Kể thêm một số việc có thể làm để giúp đỡ các bạn có hoàn cảnh không may mắn.

Vận dụng

1. Em đã và sẽ làm gì để chia sẻ yêu thương với các bạn?
2. Tham gia các hoạt động gây quỹ của trường, lớp (quyên góp, làm kế hoạch nhỏ, nuôi lợn đất,...) để giúp bạn có hoàn cảnh khó khăn.

*Đôi bàn tay nhỏ bé
Biết đồng cảm, yêu thương
Biết sẻ chia, nhin nhường
Cho người cần giúp đỡ.*

3.3.2. Dạng bài dạy kỹ năng sống

Chủ đề: TÌM KIẾM SỰ HỖ TRỢ

Bài 11. TÌM KIẾM SỰ HỖ TRỢ KHI Ở NHÀ, Ở TRƯỜNG

Mục tiêu

- Nêu được một số tình huống cần tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nhà, ở trường;
- Nêu được vì sao phải tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nhà, ở trường;
- Thực hiện được việc tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nhà, ở trường.

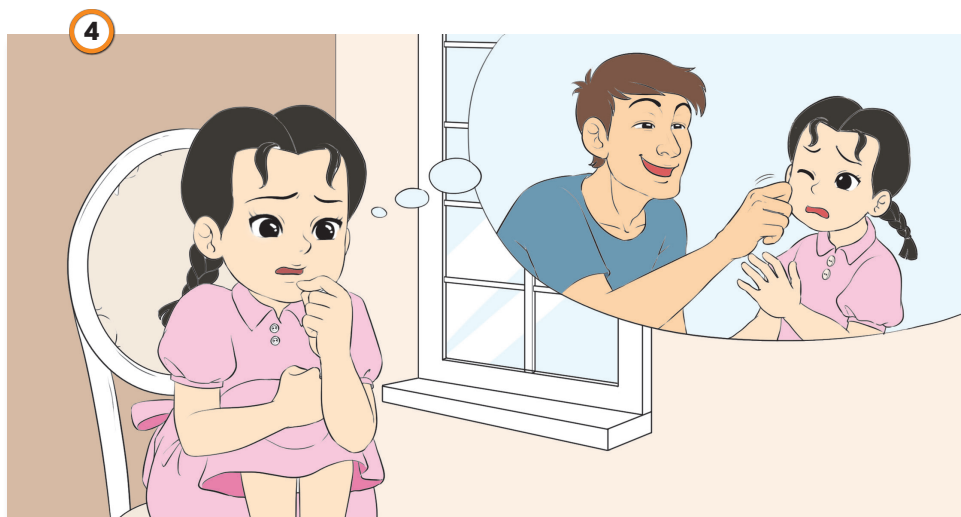
Khởi động

Quan sát các tình huống sau:



Gặp tình huống như Na hoặc Bin, em cảm thấy thế nào?

Kiến tạo tri thức mới**1. Các bạn trong tranh đã gặp những khó khăn gì?**



2. Kể thêm những tình huống em cần sự hỗ trợ khi ở nhà, ở trường.

3. Vì sao phải tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nhà, ở trường?

4. Tìm hiểu cách tìm kiếm sự hỗ trợ khi gặp khó khăn ở nhà, ở trường.

a. Khi ở trường



b. Khi ở nhà



Luyện tập

1. Quan sát tình huống 1 ở phần Khởi động và lựa chọn cách xử lý phù hợp.

Cách 1:



Cách 2:



2. Nếu là các bạn trong tranh, em sẽ làm gì trong các tình huống sau?



3. Sắm vai xử lý tình huống của hoạt động 1 phần Kiến tạo tri thức mới.

Vận dụng

1. Chia sẻ cách tìm kiếm sự hỗ trợ khi gặp khó khăn ở nhà, ở trường.
2. Nhắc nhở các bạn và người thân tìm kiếm sự hỗ trợ khi cần thiết.
3. Lập danh sách:

a. Các số điện thoại cứu trợ khẩn cấp

111: Trợ giúp, bảo vệ trẻ em.

112: Trợ giúp và tìm kiếm cứu nạn.

113: Trợ giúp về an ninh, trật tự.

114: Trợ giúp về phòng cháy chữa cháy, cứu hộ cứu nạn.

115: Trợ giúp về y tế.

b. Các số điện thoại quan trọng khác

– Số điện thoại của người thân trong gia đình (bố, mẹ, anh, chị, người nuôi dưỡng,...).

– Số điện thoại của thầy giáo, cô giáo.

Ở nhà hay ở trường
Có lúc gặp khó khăn
Bình tĩnh nhờ hỗ trợ
Của bạn bè, người thân.

3.3.3. Dạng bài giáo dục pháp luật

Chủ đề: TUÂN THỦ QUY ĐỊNH NƠI CÔNG CỘNG

Bài 15. THỰC HIỆN QUY ĐỊNH NƠI CÔNG CỘNG

Mục tiêu

- Nêu được một số quy định cần tuân thủ ở nơi công cộng;
- Nêu được vì sao phải tuân thủ quy định nơi công cộng;
- Đồng tình với những lời nói, hành vi tuân thủ quy định nơi công cộng; không đồng tình với những lời nói, hành vi vi phạm quy định nơi công cộng;
- Thực hiện được các hành vi phù hợp để tuân thủ quy định nơi công cộng.

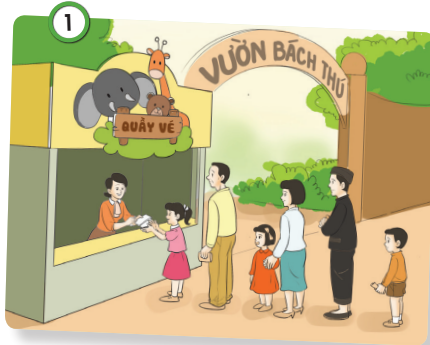
Khởi động

Nêu cảm nhận của em về việc làm của các bạn trong tranh.



Kiến tạo tri thức mới

1. Quan sát tranh ở phần Khởi động và nêu các quy định cần tuân thủ.
2. Kể thêm những quy định cần tuân thủ ở nơi công cộng mà em biết.
3. Nêu việc làm của các bạn trong tranh và cho biết: Các bạn đã tuân thủ quy định nơi công cộng như thế nào?



4. Vì sao phải tuân thủ quy định nơi công cộng?

Luyện tập

1. Chia sẻ ý kiến của em về việc làm của Tin. Nếu là Tin, em sẽ làm gì?



2. Nhận xét về việc làm của Na. Nếu là Na, em sẽ làm gì?



3. Sắm vai xử lý tình huống.



4. Sắm vai tuyên truyền các quy định nơi công cộng.



Vận dụng

1. Kể lại một lần em chứng kiến người khác vi phạm quy định nơi công cộng. Nêu cảm nhận của em khi đó.
2. Chia sẻ với các bạn về việc em thực hiện các quy định nơi công cộng.
3. Nhắc nhở các bạn cùng thực hiện những quy định nơi công cộng.

Quy định công cộng đặt ra
Nhắc nhau tuân thủ cùng là thực thi
Lời nói hay những hành vi
Trái với quy định chẳng khi nào làm.

II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN ĐẠO ĐỨC

1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học môn Đạo đức

Chương trình môn Giáo dục công dân (trong đó có môn Đạo đức) đã giới thiệu một cách khái quát 4 nguyên tắc giáo dục phù hợp với đặc trưng môn học, đó là:

1. Chú trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động để HS khám phá, phân tích, khai thác thông tin, xử lý tình huống thực tiễn, trường hợp điển hình; tăng cường sử dụng các thông tin, tình huống, trường hợp của thực tế cuộc sống xung quanh, gắn gũi với đời sống HS trong việc phân tích, đối chiếu, minh họa để các bài học vừa có sức hấp dẫn, vừa nhẹ nhàng, hiệu quả; coi trọng tổ chức các hoạt động trải nghiệm để HS tự phát hiện và chiếm lĩnh kiến thức mới, phát triển kỹ năng và thái độ tích cực, trên cơ sở đó hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực của người công dân tương lai.

2. Kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học (PPDH) truyền thống với các PPDH hiện đại theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học; tăng cường sử dụng các PPDH đặc thù của môn học như: giải quyết vấn đề, phân tích trường hợp điển hình kết hợp nêu những tấm gương công dân tiêu biểu; xử lý tình huống có tính thời sự về đạo đức, pháp luật và kinh tế trong cuộc sống hằng ngày; thảo luận nhóm; đóng vai; dự án,...

3. Kết hợp các hình thức dạy học theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả: dạy học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; dạy học ở trong lớp và ở ngoài lớp, ngoài khuôn viên nhà trường; tăng cường thực hành, rèn luyện kỹ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; tích cực sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại nhằm đa dạng, cập nhật thông tin, tạo hứng thú cho HS.

4. Phối hợp giáo dục trong nhà trường với giáo dục ở gia đình và xã hội.

Đây là những nguyên tắc chi phối toàn bộ quá trình tổ chức dạy học môn Giáo dục công dân nói chung, môn Đạo đức nói riêng theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

Ở đây, GV cần lưu ý thêm khi vận dụng các PPDH vào giờ dạy học Đạo đức 2:

Vì năng lực được hình thành, phát triển thông qua hoạt động và thể hiện sự thành công trong hoạt động thực tiễn cho nên trong dạy học môn Đạo đức, tổ chức hoạt động học tập cho HS cần được coi là hình thức dạy học chủ yếu và quan trọng nhất; nghĩa là quá trình dạy học cần được tổ chức thành các hoạt động học tập trên cơ sở phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động của người học, từ đó giúp HS tự khám phá những điều chưa biết chứ không phải thụ động tiếp thu những tri thức được sắp đặt sẵn.

Việc tổ chức hoạt động dạy học môn Đạo đức cần đảm bảo các yêu cầu sau:



a. Hoạt động phải nhằm thực hiện các yêu cầu cần đạt; mỗi hoạt động phải có mục tiêu rõ ràng, cụ thể phù hợp và phản ánh được các mức độ của yêu cầu cần đạt.

b. Hoạt động phải là hoạt động của HS. GV thiết kế, tổ chức, hướng dẫn, tạo môi trường và điều kiện để HS tham gia hoạt động với tư cách chủ thể tích cực, sáng tạo, được tự mình trao đổi, thảo luận, phân tích, đối chiếu, tìm tòi, khám phá, trải nghiệm,... nhằm giải quyết các nhiệm vụ học tập.

c. Hình thức tổ chức các hoạt động phải đa dạng, linh hoạt, phù hợp, hiệu quả: hoạt động theo lớp, theo nhóm và cá nhân; hoạt động trong lớp, ngoài lớp và ngoài trường; các hoạt động tập thể, câu lạc bộ, công tác Đoàn, Đội của HS; hoạt động thực hành, rèn luyện kĩ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; hoạt động sử dụng các phương tiện thông tin truyền thông hiện đại nhằm đa dạng, cập nhật thông tin, v.v.

2. Một số hướng dẫn, gợi ý phương pháp, hình thức tổ chức dạy học môn Đạo đức lớp 2

Như đã nói ở trên, một trong những nguyên tắc giáo dục đặc trưng của môn học là “Kết hợp sử dụng các PPDH truyền thống với các PPDH hiện đại theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học; tăng cường sử dụng các PPDH đặc thù của môn học như: giải quyết vấn đề, phân tích trường hợp điển hình kết hợp nêu những tấm gương công dân tiêu biểu; xử lí tình huống có tính thời sự về đạo đức, pháp luật và kinh tế trong cuộc sống hằng ngày; thảo luận nhóm; đóng vai; dự án,...”.

Dưới đây là những hướng dẫn, gợi ý cụ thể giúp GV vận dụng hiệu quả hơn một số PPDH tích cực nhằm nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động dạy học Đạo đức 2.

2.1. Phương pháp đàm thoại

Đàm thoại tuy là một trong những PPDH cổ điển, có truyền thống lâu đời nhất nhưng cho đến nay, đây vẫn được xem là PPDH thích hợp với quan điểm dạy học hiện đại vì khả năng thiết lập quan hệ tương tác giữa GV với HS, gây hứng thú, khuyến khích, kích thích tư duy của HS, hướng HS tập trung suy nghĩ từng bước, từng khía cạnh, vấn đề, yêu cầu,... của nội dung bài học; đồng thời qua việc trả lời câu hỏi của HS, GV nắm được mức độ nhận thức của các em để điều chỉnh cách dạy cho phù hợp.

Trong SGK *Đạo đức 2*, đặt và trả lời câu hỏi diễn ra thường xuyên, liên tục nhằm duy trì quan hệ tương tác sư phạm và tinh thần, ý thức học tập của HS, giúp HS có điều kiện thâm nhập sâu hơn vào nội dung bài học.

Ví dụ: Bài 1. Quý trọng thời gian

Kiến tạo tri thức mới

1. Bạn nào trong tranh biết quý trọng thời gian?



Để giúp HS bước đầu tìm hiểu, phân biệt được những biểu hiện biết quý trọng thời gian hoặc không biết quý trọng thời gian, GV có thể đặt những câu hỏi dẫn dắt, gợi mở:

- Các bạn trong tranh đã nói gì, làm gì?
- Lời nói, việc làm đó cho thấy các bạn đã sử dụng thời gian như thế nào?
- Lời nói, việc làm đó cho thấy bạn nào biết, bạn nào chưa biết quý trọng thời gian?...

Ngoài ra, vì tình huống ở tranh 3 mang tính phức hợp (2 tranh nhỏ) nên GV có thể tổ chức cho HS trao đổi thêm một số câu hỏi; qua đó, giúp HS nhìn nhận vấn đề sâu sắc hơn:

+ Theo em, việc bạn vừa gấp quần áo, vừa xem ti vi có phải là biểu hiện của biết quý trọng thời gian không? Vì sao?

+ Hậu quả của việc bạn vừa gấp quần áo, vừa xem ti vi là gì?

+ Việc làm của bạn có ảnh hưởng như thế nào đến bạn và mẹ bạn?, v.v.

2.2. Phương pháp thảo luận nhóm

Thảo luận nhóm là PPDH, trong đó GV sắp xếp HS thành những nhóm khác nhau; các HS trong nhóm trao đổi, giúp đỡ và cùng nhau phối hợp thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm. Tùy mục đích, yêu cầu của vấn đề học tập, các nhóm có quy mô nhỏ (nhóm đôi, nhóm ba) hay trung bình (4 đến 6 HS), được phân chia ngẫu nhiên hay có chủ định, được duy trì ổn định hay thay đổi trong từng phần của tiết học, được giao cùng một nhiệm vụ hay những nhiệm vụ khác nhau.

Trong thảo luận nhóm, sự tương tác trực tiếp giữa các HS được tăng cường; các cá nhân được tự do bày tỏ, chia sẻ ý kiến, hình thành nhận thức chung từ những quan điểm cá nhân, tạo thói quen sinh hoạt bình đẳng, biết tiếp thu những ý kiến tích cực, biết đón nhận những ý kiến bất đồng,... Kết quả làm việc của mỗi nhóm sẽ đóng góp vào kết quả học tập chung của cả lớp. Để trình bày kết quả làm việc của nhóm trước toàn lớp, nhóm có thể cử ra một đại diện hoặc phân công mỗi thành viên trình bày một phần nếu nhiệm vụ giao cho nhóm là khá phức tạp.

Ví dụ: Bài 1. Quý trọng thời gian



Khi tiến hành hoạt động này:

– GV có thể tổ chức cho HS làm việc theo nhóm đôi. Mỗi nhóm quan sát tranh, liên kết nội dung các tranh và đưa ra nhận xét về lời nói, việc làm của bạn Cốm.

– Để giúp HS luyện tập thuận lợi, GV có thể đưa ra những câu hỏi gợi ý như:

+ *Bạn Cốm đã làm gì và nói gì với mẹ?*

+ *Lời nói, việc làm của bạn Cốm có phải là biểu hiện biết quý trọng thời gian không? Vì sao?*

+ *Em đồng tình hay không đồng tình với lời nói, việc làm của bạn Cốm?*

+ *Em thấy mình có thể học tập cách sử dụng thời gian như bạn Cốm không?, v.v.*

– GV cho các nhóm báo cáo kết quả luyện tập theo các hình thức khác nhau: trả lời miệng, sắm vai,... Sau đó GV nhận xét và sơ kết hoạt động.

Gợi ý:

– Cốm luôn tranh thủ thời gian rảnh rỗi để tập đàn.

– Vì thế, việc học đàn của bạn có nhiều tiến bộ, được mẹ khen.

– Bạn đã biết sử dụng thời gian cho những việc có ích một cách hợp lí.

2.3. Phương pháp sắm vai

Sắm vai là phương pháp tổ chức cho HS trình bày những suy nghĩ, cảm nhận và ứng xử theo một “vai giả định” nhằm giúp HS suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách đứng từ chỗ đứng, góc nhìn của người trong cuộc, tập trung vào một sự kiện cụ thể mà các em quan sát được từ vai của mình; qua đó khích lệ sự thay đổi thái độ, hành vi của HS theo hướng tích cực.

Trong SGK Đạo đức 2, phương pháp sắm vai được vận dụng linh hoạt và đa dạng để giải quyết các yêu cầu, nhiệm vụ khác nhau. GV có thể yêu cầu HS sắm vai chỉ để thể hiện tình huống nhưng thông thường, phương pháp sắm vai sẽ được vận dụng kết hợp với phương pháp xử lý tình huống để tạo được hiệu quả cao hơn.

Ví dụ: Bài 1. Quý trọng thời gian



Khi tiến hành hoạt động này:

– GV có thể tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 4 và cho các em sắm vai xử lý tình huống (1 HS sắm vai Bin, 1 HS sắm vai chú của Bin, 2 HS quan sát, nhận xét, góp ý; sau

đó đổi ngược lại: 2 HS đã sắm vai sẽ quan sát, nhận xét, góp ý; 2 HS đã quan sát, nhận xét, góp ý sẽ sắm vai).

– GV cho HS quan sát tranh để nắm được nội dung tình huống; sau đó GV gợi ý để các nhóm phân tích, xử lý tình huống qua hình thức sắm vai.

Gợi ý:

+ *Tin đang làm gì? Chú của Tin đã đề nghị điều gì?*

+ *Nếu là Tin, em sẽ nói với chú thế nào và sẽ làm gì trong tình huống đó?*

– GV mời 1 nhóm thể hiện cách xử lý của nhóm mình, các nhóm khác góp ý, bổ sung. Sau đó GV mời thêm 1, 2 nhóm có cách xử lý khác lên thể hiện.

– GV tổ chức cho cả lớp trao đổi, thảo luận về những cách xử lý mà các nhóm vừa thể hiện; sơ kết và dẫn dắt sang hoạt động sau.

2.4. Phương pháp giải quyết vấn đề

Giải quyết vấn đề trong dạy học môn Đạo đức là xem xét, phân tích những vấn đề/tình huống cụ thể thường gặp trong đời sống hằng ngày và xác định cách giải quyết, xử lý vấn đề/tình huống đó một cách hiệu quả. Giải quyết vấn đề là phương pháp tạo ra tình huống có vấn đề và kích thích, điều khiển HS huy động những kiến thức, kĩ năng đã biết có liên quan để giải quyết tình huống đó. Tình huống có vấn đề là loại tình huống tồn tại mâu thuẫn giữa một bên là nhiệm vụ đặt ra và một bên là trình độ hiện tại còn hạn chế. Vì vậy, với vốn kiến thức, kĩ năng và kinh nghiệm sẵn có, HS chưa thể ngay lập tức giải quyết được mà cần phải vận dụng hệ thống kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm sẵn có, dưới sự hướng dẫn của GV và sự nỗ lực của bản thân mới có thể giải quyết được tình huống.

Ví dụ: Bài 12. *Tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nơi công cộng*

1. Em sẽ tìm kiếm sự hỗ trợ như thế nào khi:

a. Bị mất ba lô



b. Bị say xe



HS được yêu cầu giải quyết hai tình huống liên quan đến việc tìm kiếm sự hỗ trợ khi bị mất ba lô và khi bị say xe.

Khi tiến hành hoạt động này:

– GV có thể tổ chức cho HS làm việc nhóm đôi và thảo luận để đưa ra cách giải quyết phù hợp dựa trên các bước tìm kiếm sự hỗ trợ đã học. Với mỗi tình huống, GV có thể gợi ý HS phân tích:

+ Chuyện gì xảy ra với bạn nhỏ trong tranh? Ở đâu?

+ Nếu là bạn, em sẽ làm gì?

– GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả thảo luận bằng nhiều cách khác nhau: nhóm đóng vai, nhóm đưa ra ý kiến,...

– GV nhận xét và đưa ra những lưu ý cho HS trong từng tình huống về cách thể hiện thái độ khi nhờ giúp đỡ và sau khi được giúp đỡ.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN ĐẠO ĐỨC LỚP 2

Ngày 4/9/2020, Bộ GD–ĐT đã ban hành *Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT về Quy định đánh giá học sinh tiểu học*, theo đó: “Đánh giá HS tiểu học là quá trình thu thập, xử lý thông tin thông qua các hoạt động quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình học tập, rèn luyện của HS; tư vấn, hướng dẫn, động viên HS; diễn giải thông tin định tính hoặc định lượng về kết quả học tập, rèn luyện, sự hình thành và phát triển một số phẩm chất, năng lực của HS tiểu học”.

Đối với môn Đạo đức, việc đánh giá cần lưu ý những yêu cầu sau:

– Đánh giá các phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm* của HS chủ yếu là bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét về hành vi, cách ứng xử, các biểu hiện về thái độ, tình cảm của HS khi đọc, viết, nói và nghe văn bản.

– Đánh giá các *năng lực chung* và *năng lực đặc thù* là đánh giá sự kết hợp cả ba yếu tố kiến thức, kĩ năng, thái độ trong thực hiện hành vi ứng xử về đạo đức, kĩ năng sống, kinh tế, pháp luật theo yêu cầu cần đạt về năng lực thông qua sản phẩm và quá trình học tập, rèn luyện của HS, gọi chung là sản phẩm đầu ra. Sản phẩm đầu ra này là các câu trả lời, các bài tập, bài nghiên cứu, bài viết, các tư liệu HS thu thập được, các tranh vẽ, kịch bản, clip,... mà HS thực hiện được và thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập trên lớp, hoạt động nhóm, tập thể hay cộng đồng cũng như trong sinh hoạt và giao tiếp hằng ngày.



– Khi đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập, công cụ đánh giá chỉ nên là những bài trắc nghiệm vừa sức, chủ yếu để HS lựa chọn phương án đúng/sai, nên/không nên, đồng tình/không đồng tình, có lợi/có hại, v.v.

– Đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập cần kết hợp với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, hoạt động nhóm, hoạt động tập thể.

– Đánh giá quá trình học tập trên lớp cần kết hợp với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình sinh hoạt ở nhà và tham gia các hoạt động cộng đồng.

– Kết quả đánh giá toàn diện HS phải là sự kết hợp của các loại hình đánh giá: GV đánh giá, HS tự đánh giá bản thân, HS đánh giá lẫn nhau, phụ huynh đánh giá con em,...; trong đó, đánh giá của GV là quan trọng nhất.

IV. HƯỚNG DẪN KHAI THÁC, SỬ DỤNG NGUỒN TÀI NGUYÊN SÁCH VÀ CÁC HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

1. Cam kết hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lý trong việc sử dụng tài nguyên sách và học liệu điện tử

SGK *Đạo đức 2* (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) là sản phẩm của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (NXBGDVN), được biên soạn dưới sự chỉ đạo trực tiếp của NXBGDVN. Vì vậy, khi sử dụng SGK này, NXBGDVN đảm bảo GV và cán bộ quản lý sẽ có điều kiện tiếp cận với một nguồn tài nguyên đồ sộ, đa dạng, phong phú (gồm sách tham khảo, tranh ảnh, đồ dùng dạy học,...) và nhiều học liệu điện tử do các đơn vị thành viên của NXBGDVN tổ chức biên soạn, thiết kế.

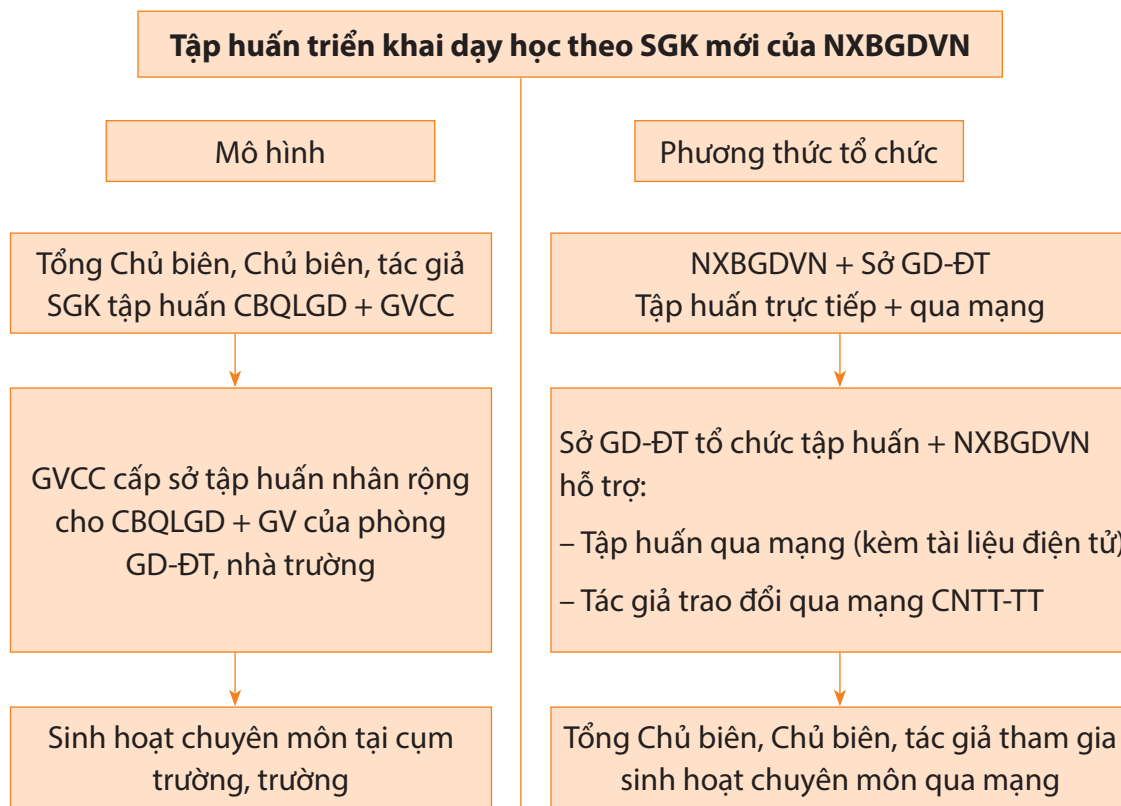
Nguồn tài nguyên và học liệu điện tử này đảm bảo ở mức cao nhất cơ sở dữ liệu để GV, cán bộ quản lý ở tất cả các trường tiểu học trong cả nước tham khảo, từ đó chọn lọc được những dữ liệu thích hợp nhất đối với việc dạy học môn Đạo đức 2.

Trong quá trình dạy học, GV hoàn toàn có thể, trên cơ sở của SGK *Đạo đức 2*, khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên của NXBGDVN để xây dựng các tình huống, sử dụng các tranh ảnh, video clip, mở rộng hoặc làm mới nội dung bài học bằng những mẫu chuyện đạo đức, thiết kế các hoạt động trải nghiệm, v.v. phù hợp với mục tiêu từng bài học để quá trình dạy học thực sự là quá trình tích hợp, huy động kiến thức từ nhiều nguồn khác nhau; đồng thời quá trình dạy học cũng là quá trình phát triển năng lực, nghiệp vụ sư phạm cho GV.

Cùng với các hoạt động tập huấn trực tiếp, NXBGDVN phát triển hệ thống tập huấn qua mạng (***taphuan.nxbgd.vn***) để đảm bảo cho tất cả GV, cán bộ quản lý giáo dục được tiếp cận trực tiếp bài giảng, giải đáp của chính Tổng Chủ biên, Chủ biên,

tác giả SGK, qua đó tiếp nhận đầy đủ và có thể vận dụng sáng tạo ý tưởng, nội dung, phương pháp, cách tổ chức dạy học của SGK mới lớp 2 vào dạy học, quản lý dạy học tại địa phương.

a. Mô hình, phương thức tổ chức tập huấn



b. Các học liệu, tiện ích của hệ thống tập huấn qua mạng

- Tài liệu tập huấn tổ chức thực hiện dạy học theo SGK mới.
- Các video giới thiệu tổng quan bộ sách; minh họa tiết học; phân tích những đặc trưng, điểm nổi bật về cấu trúc sách, nội dung, phương pháp, cách tổ chức dạy học theo từng môn học, hoạt động giáo dục.
- Bộ giải đáp câu hỏi thường gặp được tổng hợp, biên tập từ những đợt hội thảo, tập huấn GV, cán bộ quản lý giáo dục triển khai dạy học theo SGK mới lớp 2 của bộ sách *Chân trời sáng tạo* thuộc NXBGDVN.
- Câu hỏi, bài tập kiểm tra, đánh giá kết quả tập huấn qua mạng.
- Bộ các công cụ tiện ích để cán bộ quản lý giáo dục, GV trao đổi với Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả, biên tập viên SGK mới của NXBGDVN và trao đổi kinh nghiệm triển khai dạy học với đồng nghiệp trên toàn quốc.



– Hướng dẫn sử dụng hệ thống tập huấn qua mạng để tự học, tự bồi dưỡng và để tổ chức tập huấn GV của sở, phòng GD – ĐT, sinh hoạt chuyên môn cụm trường, trường.

c. Lợi ích đối với cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên

– SGK do chính Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả SGK tập huấn, hỗ trợ nên cán bộ quản lý giáo dục, GV được tiếp thu nguyên mẫu, trao đổi, chia sẻ trực tiếp.

– Hệ thống tập huấn qua mạng luôn được cập nhật và hoạt động 24/7 nên cán bộ quản lý giáo dục, GV (kể cả những người được bổ nhiệm, tuyển dụng sau tập huấn triển khai SGK mới) có thể thường xuyên truy cập, cập nhật thông tin, tự học, tự bồi dưỡng.

– Kết xuất các báo cáo, thống kê, phân tích kết quả tập huấn cho các cấp quản lý sở, phòng, cơ sở giáo dục.

2. Giới thiệu về hệ thống sách điện tử (hanhtrangso.nxbgd.vn)

Cùng với việc xuất bản SGK giấy, NXBGDVN còn tổ chức xuất bản SGK điện tử. Trên cơ sở ứng dụng những thành tựu mới nhất của công nghệ thông tin, SGK điện tử của NXBGDVN có những ưu điểm sau:

a. Tích hợp và mở rộng

SGK điện tử lớp 2 là phiên bản điện tử của SGK lớp 2 được tích hợp và mở rộng các nội dung liên quan:

- Các học liệu kèm theo SGK như các tệp âm thanh, hình ảnh, clip, video,...;
- Hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học cần thiết để dạy học theo SGK;
- Sách bổ trợ, sách GV;
- Hướng dẫn trả lời câu hỏi, bài tập, hình ảnh, video, để kiểm tra và đáp án, thí nghiệm số hoá, bài elearning, giáo án, bài giảng;
- Hỏi đáp, tương tác với Tổng Chủ biên, Chủ biên, tác giả, biên tập viên của SGK và các đơn vị, cá nhân liên quan của NXBGDVN;
- Trao đổi, thảo luận qua mạng với cộng đồng người dùng sách;
- Tự học qua mạng;
- SGK điện tử được thực hiện tích hợp truyền thông đa phương tiện, liên thông nội dung SGK với các nguồn thông tin điện tử có liên quan;
- SGK điện tử “động hoá” được các thông tin từ kênh hình, các cơ chế, quá trình; kết hợp được kênh thông tin khác nhau như hình ảnh, âm thanh, chữ trong việc thể hiện nội dung kiến thức; linh hoạt trong việc bổ sung, hoàn thiện kiến thức.

b. Cập nhật, phát triển không ngừng

Phiên bản điện tử của SGK luôn là phiên bản mới nhất, được cập nhật thường xuyên để:

- Không ngừng hoàn thiện, bổ sung, mở rộng những chức năng nâng cao của hệ thống;
- Không ngừng hoàn thiện, mở rộng, nâng cao nội dung sách, học liệu.

c. Công nghệ

– Hệ thống sách điện tử cho phép chạy trên nền web, sử dụng các trình duyệt phổ biến như IE, FireFox, Chrome; thiết bị sử dụng là máy tính cá nhân, máy tính bảng và điện thoại thông minh.

– Hệ thống thân thiện, đơn giản, dễ dùng cho mọi đối tượng ở các vùng miền có điều kiện khác nhau trên toàn quốc.

- Có giải pháp chạy offline cho những nơi chưa có hoặc hạn chế về Internet.

d. Dịch vụ hỗ trợ 24/7

– Tập hợp câu hỏi của người dùng để tạo thành tập hợp những câu hỏi/trả lời thường xuyên (Q&A).

- Theo dõi quá trình học tập, sử dụng của người dùng trên hệ thống.

– Quản lý người dùng, kết xuất thống kê, báo cáo hỗ trợ công tác quản lý của các cơ quan quản lý giáo dục.

V. KHAI THÁC THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU TRONG DẠY HỌC

Chương trình môn Giáo dục công dân mới định hướng: “Ngoài các điều kiện thực hiện chương trình giáo dục phổ thông nêu trong Chương trình tổng thể, môn Giáo dục công dân cần được trang bị các tư liệu, phương tiện, đồ dùng dạy học phù hợp với đặc trưng của môn học và điều kiện thực tế như: tranh, ảnh, băng, đĩa, sách và tài liệu tham khảo có nội dung giáo dục về đạo đức, kĩ năng sống, kinh tế và pháp luật; máy chiếu; ti vi;...”.

Ngày 3/11/2020, Bộ GD–ĐT đã ban hành *Thông tư số 43/2020/TT-BGDĐT về Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2*, trong đó có Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2 môn Đạo đức (8 bộ tranh về giáo dục đạo đức, giáo dục kĩ năng sống, giáo dục pháp luật bám sát 8 chủ đề; 8 bộ video clip về giáo dục đạo đức, giáo dục kĩ năng sống, giáo dục pháp luật bám sát 8 chủ đề). Để khai thác thiết bị và học liệu một cách hiệu quả, GV và cán bộ quản lý cần lưu ý một số vấn đề sau:

- Coi trọng việc sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học để hỗ trợ quá trình nhận thức trực quan, cảm tính của HS nhưng phải sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, thực sự có



hiệu quả, tránh hình thức, tránh lạm dụng gây phản tác dụng đối với người học, làm giảm hiệu quả của quá trình dạy học. Trong quá trình khai thác và sử dụng thiết bị, học liệu, GV cần cân nhắc, tính toán cụ thể liều lượng, mức độ sao cho các thiết bị và học liệu góp phần làm cho giờ học thêm sinh động, hấp dẫn chứ không sử dụng tràn lan, quá mức khiến giờ học bị nhiều, không đảm bảo thực hiện được mục tiêu bài học.

– Tạo điều kiện để HS thực sự được thực hành, thao tác trên các phương tiện, thiết bị dạy học. GV không nên lạm dụng việc thuyết giảng và làm mẫu trên bộ đồ dùng dạy học của GV, biến HS thành những “quan sát viên” mà nên tạo điều kiện để HS thực hành, thao tác trực tiếp trên phương tiện, thiết bị dạy học (quan sát, lựa chọn,...), qua đó giúp HS trải nghiệm, khám phá, phát hiện kiến thức một cách chủ động, tích cực; rèn luyện kĩ năng tìm tòi, giải quyết vấn đề sáng tạo, góp phần phát triển “năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân”.

– Khuyến khích sử dụng các phương tiện nghe nhìn, phương tiện kĩ thuật hiện đại hỗ trợ quá trình dạy học, đồng thời coi trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thống, phương tiện trực quan thao tác được (những phương tiện có thể trực tiếp cầm, nắm, sắp xếp, dịch chuyển) để giúp việc học trở nên trực quan, hứng thú, tích cực hơn, tiết kiệm thời gian hơn.

– Động viên, khuyến khích HS phát triển hoạt động tự làm các thiết bị dạy học phù hợp để một mặt bổ sung kịp thời các phương tiện, thiết bị dạy học, đặc biệt là thiết bị học tập cá nhân; mặt khác góp phần thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực cho HS.

– Trong dạy học cần kết hợp, phối hợp sử dụng các dạng, loại thiết bị dạy học (thiết bị truyền thống và hiện đại, thiết bị quan sát và thực hành, thiết bị thực và ảo, thiết bị được cung cấp và tự làm). Tùy vào nội dung bài học, phương pháp dạy học mà có thể kết hợp sử dụng các loại hình thiết bị dạy học với nhau và phối hợp chúng một cách hợp lí, khoa học, sinh động.

– Tùy theo điều kiện của từng trường, từng nội dung dạy học cụ thể mà GV có thể lựa chọn một số mô hình, hoặc sử dụng phần mềm xây dựng một số hình ảnh trực quan hỗ trợ dạy học.

PHẦN HAI

GỢI Ý, HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ BÀI HỌC

Xét dưới góc độ tổ chức dạy học, các bài học trong bộ sách giáo khoa môn Đạo đức có thể quy về các dạng sau: dạng bài giáo dục đạo đức – giáo dục pháp luật và dạng bài giáo dục kỹ năng sống. Mỗi dạng bài có cách thức tổ chức hoạt động dạy học riêng. Sau đây là hướng dẫn dạy học cho từng dạng bài cụ thể.

I. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC DẠNG BÀI GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC – GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

1. Hướng dẫn tổ chức dạy học

1.1. Giai đoạn Khởi động – tạo cảm xúc

GV tổ chức hoạt động Khởi động – tạo cảm xúc, yêu cầu HS khai thác kinh nghiệm, khơi gợi cảm xúc đạo đức của các em về vấn đề thực tiễn liên quan đến chuẩn mực hành vi đạo đức. Hoạt động này giúp HS nhận ra chuẩn mực hành vi cần hình thành, từ đó thúc đẩy việc tìm hiểu và suy nghĩ về các biểu hiện cụ thể của hành vi đạo đức đó trong những hoạt động tiếp theo. Nghiên cứu khoa học và thực tiễn cho thấy, việc giáo dục đạo đức phải xuất phát từ cảm xúc đạo đức, khơi dậy lương tri trong mỗi con người thì mới đạt hiệu quả giáo dục.

Câu hỏi đặt ra cho HS trong giai đoạn này hướng tới khai thác, khơi dậy cảm xúc đạo đức trong lương tri của các em, thường là:

- Em cảm thấy thế nào về...?
- Cảm xúc của em sau khi nghe/xem... thế nào?

1.2. Giai đoạn Kiến tạo tri thức mới

GV tổ chức hoạt động Kiến tạo tri thức mới, từng bước yêu cầu HS đưa ra ý kiến, phán đoán, nhận xét về những hành động có thể xảy ra trong các tình huống và quyết định hành động nào là phù hợp với chuẩn mực hành vi đạo đức nhất, từng bước hình thành tư duy phản biện về các hành vi đạo đức. Từ đó, HS nhận diện được các biểu hiện cụ thể của chuẩn mực hành vi đạo đức và hiểu được sự cần thiết của việc thực hiện hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức, hoặc bày tỏ thái độ (đồng tình/không đồng tình) trong cuộc sống hằng ngày.



Câu hỏi đặt ra cho HS trong giai đoạn này định hướng cho HS suy nghĩ, phán đoán về nguyên nhân, kết quả của những hành vi đạo đức, từ đó nêu ra những việc cần phải làm, nên làm, thường là:

- Điều gì sẽ xảy ra nếu em không/thực hiện...?
- Vì sao em phải/không được...?
- Những việc em nên/cần phải làm là gì?

1.3. Giai đoạn Luyện tập

Trên cơ sở nhận thức rõ được nguyên nhân, kết quả, việc nên làm, giai đoạn này, GV tổ chức cho HS sử dụng kinh nghiệm, kiến thức, kĩ năng đã được kiến tạo ở hoạt động trước vào các tình huống cụ thể, bước đầu xác định được hành động phù hợp với chuẩn mực hành vi đạo đức. Hoạt động Luyện tập cần thể hiện được động cơ đạo đức được thúc đẩy từ bên trong lương tâm của HS, các em thực hành đưa ra những lựa chọn của bản thân khi phải cân nhắc giữa việc ưu tiên các hành động đạo đức với những mục tiêu và nhu cầu khác nhau. GV tổ chức cho HS thực hành, luyện tập lựa chọn hành vi ứng xử phù hợp với những tình huống đạo đức có thực hoặc giả định.

1.4. Giai đoạn Vận dụng

GV tổ chức cho HS thực hiện các hành động đạo đức bằng cách vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống đạo đức trong thực tiễn (bao gồm cả việc rèn luyện sau giờ học) bất kể những trở ngại và khó khăn nào. Hoạt động này giúp HS hình thành và rèn luyện thói quen thực hiện hành vi đạo đức phù hợp với chuẩn mực trong cuộc sống hằng ngày

2. Ví dụ minh họa

Chủ đề: NHẬN LỖI VÀ SỬA LỖI

Bài 2. NHẬN LỖI VÀ SỬA LỖI (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS:

- Nêu được một số biểu hiện của nhận lỗi, sửa lỗi;
- Nêu được vì sao phải nhận lỗi, sửa lỗi;
- Đồng tình với việc biết nhận lỗi, sửa lỗi; không đồng tình với việc không biết nhận lỗi, sửa lỗi;
- Thực hiện được và nhắc nhở bạn bè cùng thực hiện việc biết nhận lỗi, sửa lỗi trong học tập, sinh hoạt.
- Về năng lực:
 - + Năng lực tự chủ và tự học: Nhận ra được một số biểu hiện của biết nhận lỗi, sửa lỗi; lựa chọn và thực hiện được những hành động, lời nói thể hiện biết nhận lỗi, sửa lỗi.
 - + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đưa ra ý kiến và sắm vai để giải quyết tình huống thể hiện biết nhận lỗi, sửa lỗi.
 - + Năng lực điều chỉnh hành vi: Thực hiện được những lời nói, việc làm thể hiện biết nhận lỗi, sửa lỗi sau khi mắc lỗi.
 - + Năng lực phát triển bản thân: Nêu hoặc thể hiện bằng ngôn ngữ, hành động để tỏ thái độ đồng tình với việc biết nhận lỗi, sửa lỗi; không đồng tình với việc không biết nhận lỗi, sửa lỗi.
- Về phẩm chất:
 - + Trung thực: Biết nhận lỗi và sửa lỗi trong học tập, sinh hoạt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên: SGK Đạo đức 2, bộ tranh, video clip về đức tính trung thực.

2. Học sinh: SGK Đạo đức 2, Vở bài tập Đạo đức 2 (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Khởi động



Hoạt động: Kể lại một lần em mắc lỗi

a. Mục tiêu: Khởi gợi cảm xúc của HS, dẫn dắt HS đến chủ đề của bài học: *Nhận lỗi và sửa lỗi.*

b. Tổ chức thực hiện:

GV hướng dẫn HS quan sát tranh; sau đó yêu cầu 1 – 2 HS mô tả lại bối cảnh của hoạt động (tiết sinh hoạt lớp; HS tự quản) theo gợi ý:

- Xem thông tin trên bảng.
- Bạn nam đã nói gì?
- Nếu em là bạn nữ trong tranh, em sẽ nói gì và nói như thế nào?

Tiếp đó, GV yêu cầu 1 – 2 HS kể lại một lần đã mắc lỗi theo gợi ý:

- Chuyện gì đã xảy ra?
- Cảm nhận của em khi đó?

Từ những ý kiến của HS, GV dẫn dắt vào nội dung chính của bài học.

Kiến tạo tri thức mới

Kiến tạo tri thức mới

1. Bạn nào trong tranh biết nhận lỗi và sửa lỗi?

1 Con xin lỗi vì đã làm gãy thỏi son của mẹ. Từ nay con không nghịch thỏi nữa ạ.

2 Cậu giẫm phải chân tớ rồi!
Có gì đâu mà cậu phải kêu!

3 Vòng của Na đẹp quá! Rất vừa tay mình.
Ngày hôm sau...
Tớ xin lỗi! Tớ đã nhặt được vòng của cậu nhưng giờ mới trả lại.

4 Cháu xin lỗi vì đã không chào ông bà. Cháu hứa lần sau sẽ không thế nữa ạ!

Mình làm rơi chiếc vòng mẹ tặng rồi!

Hoạt động 1: Bạn nào trong tranh biết nhận lỗi và sửa lỗi?

Mục tiêu: HS nhận diện được một số biểu hiện của biết hoặc chưa biết nhận lỗi, sửa lỗi.

Tổ chức thực hiện:

- GV chia lớp thành các nhóm 4 và yêu cầu HS tìm hiểu, thảo luận theo gợi ý:
- + Các bạn trong tranh đã nói gì, làm gì?
- + Lời nói, việc làm đó cho thấy bạn nào biết, bạn nào chưa biết nhận lỗi, sửa lỗi?,...

Gợi ý:

Tranh 1: Bạn nữ làm gãy thỏi son của mẹ; bạn đã biết nhận lỗi, xin lỗi mẹ và hứa không tái phạm.

Tranh 2: Bạn nam giẫm phải chân bạn khác nhưng không xin lỗi mà còn tỏ ra khó chịu khi bạn kêu đau.

Tranh 3: Bạn nữ nhặt được chiếc vòng của Na nhưng hôm sau mới trả lại cho Na.

Tranh 4: Bạn nam không chào ông bà khi đi học về; bạn biết lỗi và hứa khắc phục.

– GV tổ chức cho mỗi nhóm báo cáo kết quả thảo luận về một tranh. Sau khi mỗi nhóm báo cáo, các nhóm khác có thể nhận xét, bổ sung.

– Vì tình huống ở tranh 3 mang tính phán đoán, suy luận khá cao nên GV có thể tổ chức cho HS tập trung phân tích tình huống và trao đổi thêm một số câu hỏi; qua đó giúp HS nhìn nhận vấn đề sâu sắc hơn:

+ *Nội dung câu chuyện này thế nào?*

+ *Theo em, vì sao bạn nữ không trả lại chiếc vòng ngay cho Na?*

+ *Em có suy nghĩ gì về việc làm của bạn nữ?*

+ *Nét mặt tươi cười của Na khi nhận lại chiếc vòng gợi cho em điều gì?, v.v.*

– Trên cơ sở những ý kiến của HS, GV khái quát: *Trong cuộc sống, đôi khi chúng ta không nhận ra được ngay lỗi của mình nhưng quan trọng nhất là cuối cùng, chúng ta biết nhận lỗi và sửa lỗi; khi đó mọi người sẽ thông cảm, tha thứ và yêu quý chúng ta.*

Hoạt động 2: *Nêu thêm một số việc làm thể hiện biết nhận lỗi và sửa lỗi.*

Mục tiêu: HS nêu thêm được những biểu hiện của biết nhận lỗi và sửa lỗi.

Tổ chức thực hiện:

– GV nhắc lại những tình huống vừa khám phá ở Hoạt động 1 để HS hiểu rõ: đó chính là những biểu hiện của biết nhận lỗi và sửa lỗi.

– GV tổ chức lớp thành các nhóm đôi; dành thời gian để các nhóm suy nghĩ, trao đổi, thảo luận về những biểu hiện khác của biết nhận lỗi và sửa lỗi.

Gợi ý:

+ *Khi vô ý làm bạn đau.*

+ *Khi quên không làm bài tập.*

+ *Khi lỡ tay làm hỏng đồ dùng gia đình,...*

– Trên cơ sở những gợi ý này, GV dẫn dắt, đặt thêm những câu hỏi gợi mở để HS trình bày được những biểu hiện mới một cách phù hợp, ngắn gọn, đầy đủ.

Hoạt động 3: Vì sao chúng ta cần biết nhận lỗi và sửa lỗi?

Mục tiêu: HS hiểu được vì sao cần biết nhận lỗi và sửa lỗi.

Tổ chức thực hiện:

Để giúp HS giải quyết được nhiệm vụ học tập này, GV tổ chức lớp thành các nhóm 4 và cần có những gợi ý, dẫn dắt thích hợp. Ví dụ:

+ *Biết nhận lỗi và sửa lỗi có tác động tích cực thế nào đối với bản thân và những người xung quanh?*

+ *Không biết nhận lỗi và sửa lỗi có tác hại thế nào đối với bản thân và những người xung quanh?*

+ *Hậu quả của việc chỉ biết nhận lỗi mà không biết sửa lỗi là gì?, v.v.*

– GV có thể thiết kế câu hỏi thành phiếu học tập để HS làm việc cá nhân, hoặc làm việc nhóm; qua đó, mỗi em tự nêu ra ít nhất một biểu hiện cụ thể về biết nhận lỗi và sửa lỗi. Sau đó, GV cho 2 – 3 nhóm chia sẻ trước lớp về những biểu hiện mà nhóm đã xác định; đồng thời tổ chức cho HS thảo luận, nhận xét về những biểu hiện đó.

Kết thúc hoạt động Kiến tạo tri thức mới, GV có thể chốt lại: *Trong sinh hoạt, học tập, mỗi chúng ta đều có thể có lỗi hoặc mắc sai lầm. Tuy nhiên, nếu chúng ta biết nhận lỗi, xin lỗi và có hành động thiết thực để khắc phục lỗi thì mọi người sẽ thông cảm, tha thứ cho chúng ta và bản thân chúng ta sẽ mau tiến bộ.*

Luyện tập

Hoạt động 1: Bày tỏ ý kiến của em về việc làm của Na.



Mục tiêu: HS đồng tình với việc biết nhận lỗi, sửa lỗi.

Tổ chức thực hiện:

GV hướng dẫn HS quan sát tranh; sau đó, yêu cầu 1 – 2 HS mô tả lại tình huống:

Tranh 1: Na vô ý làm rách vở của em; Na xin lỗi và hứa bọc lại vở cho em.

Tranh 2: Na bọc lại vở cho em; hai chị em cùng vui vẻ.

Câu hỏi gợi ý:

- + Chuyện gì đã xảy ra?
- + Na đã xử lý việc đó như thế nào?
- + Thái độ, lời nói, việc làm của Na cho thấy Na là người thế nào?
- + Em đồng tình và không đồng tình với việc làm nào của Na? Vì sao?, v.v.

Hoạt động 2: Nhận xét về lời nói, việc làm của Tin và Bin. Nếu là Tin và Bin, em sẽ làm gì?



Mục tiêu: HS không đồng tình với việc không biết nhận lỗi, sửa lỗi.

Tổ chức thực hiện:

GV hướng dẫn HS quan sát tranh; sau đó yêu cầu 1 – 2 HS mô tả lại tình huống:

Tranh 1: Tin bước vội, vô tình làm vỡ chậu cây cảnh; Bin đi sau nhìn thấy rõ việc đó.

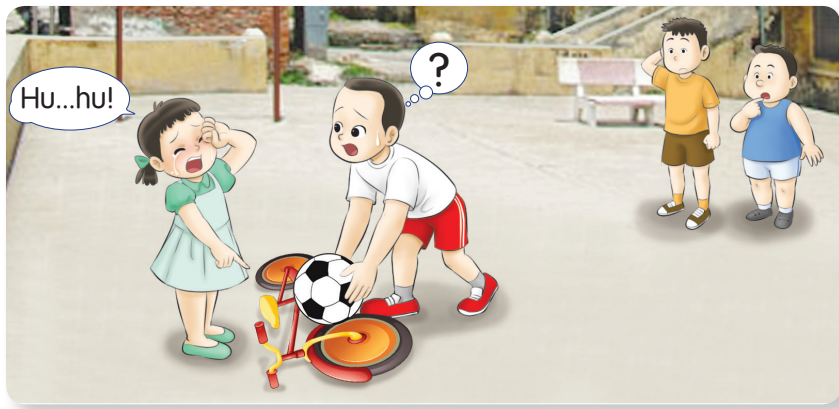
Tranh 2: Khi cô giáo hỏi, Tin không nhận lỗi, Bin cũng không giúp Tin nhận lỗi.

Câu hỏi gợi ý:

- + Chuyện gì đã xảy ra?
- + Tin đã mắc lỗi gì? Khi đó Bin có biết lỗi của Tin không?
- + Tin và Bin đã trả lời cô giáo như thế nào?

- + Khi trả lời cô giáo như thế, lỗi của Tin là gì và lỗi của Bin là gì?
- + Em có đồng tình với việc làm, lời nói của Tin và Bin không? Vì sao?
- + Nếu là Tin hoặc Bin, em sẽ làm gì?, v.v.

Hoạt động 3: Sắm vai các bạn trong tranh và xử lý tình huống.



Mục tiêu: HS biết cách ứng xử phù hợp khi nhận lỗi và sửa lỗi.

Tổ chức thực hiện:

GV tổ chức một số nhóm đôi (một nam, một nữ) và hướng dẫn HS sắm vai; dành thời gian thích hợp để nhóm trao đổi, đưa ra cách xử lý tình huống.

Tình huống 1: Bạn nữ đang đi xe đạp; bạn nam đá bóng trúng bạn nữ làm bạn nữ ngã xe, bị đau.

Câu hỏi gợi ý: Trong tình huống này, bạn nam nên có thái độ, lời nói, việc làm như thế nào? Nếu bạn nam biết/không biết nhận lỗi và sửa lỗi, bạn nữ nên có thái độ, lời nói, việc làm như thế nào?



Tình huống 2: Bạn nữ nhận nhầm cây bút của bạn nam là của mình nhưng đến khi về nhà, bạn nữ mới biết điều đó.

Câu hỏi gợi ý: Trong tình huống này, bạn nữ nên có thái độ, lời nói, việc làm như thế nào? Nếu bạn nam biết/không tha thứ, bạn nữ nên có thái độ, lời nói, việc làm như thế nào?

Lưu ý: Ở mỗi tình huống, GV cần động viên, khích lệ các nhóm đưa ra những lời nói, việc làm cụ thể, sinh động không chỉ thể hiện việc biết nhận lỗi, xin lỗi với bạn mà còn thể hiện cả việc biết tha lỗi cho bạn; biết giải quyết, xử lý các tình huống, vấn đề cá nhân của mình một cách chủ động.

Vận dụng

Hoạt động 1: Tập nói lời xin lỗi.

Mục tiêu: HS biết cách sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ phù hợp khi xin lỗi người khác.

Tổ chức thực hiện:

GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 4: 2 bạn tập nói lời xin lỗi với nhau, 2 bạn quan sát, nhận xét, góp ý; sau đó đổi vai: 2 bạn đã tập nói lời xin lỗi sẽ quan sát, nhận xét, góp ý, 2 bạn đã quan sát, nhận xét, góp ý sẽ tập nói lời xin lỗi.

SGK chỉ đưa ra 2 tình huống gợi ý; GV có thể xây dựng thêm một số tình huống khác để việc thực hành của HS được phong phú, sát với thực tiễn hơn.

Hoạt động 2: Chia sẻ về những việc làm thể hiện em đã biết hoặc chưa biết nhận lỗi và sửa lỗi.

Mục tiêu: HS biết chia sẻ và rút kinh nghiệm về việc mình biết hoặc chưa biết nhận lỗi, sửa lỗi.

Tổ chức thực hiện:

GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 4: một bạn chia sẻ việc làm thể hiện bản thân đã biết hoặc chưa biết nhận lỗi và sửa lỗi, 3 bạn nhận xét, góp ý; sau đó lần lượt các bạn trong nhóm chia sẻ.

Khi có HS mạnh dạn chia sẻ về việc làm thể hiện bản thân chưa biết nhận lỗi và sửa lỗi, GV cần có hình thức động viên, khuyến khích kịp thời và gợi ý để các HS trong nhóm phân tích tác hại của việc chưa biết nhận lỗi và sửa lỗi, đồng thời đưa ra những nhận xét, góp ý, đề xuất phù hợp, mang tính xây dựng.

Khi tổ chức thực hiện hoạt động 2, GV cũng có thể kết hợp thực hiện **Hoạt động 3: Nhắc nhở bạn bè cùng thực hiện việc biết nhận lỗi và sửa lỗi.**

Hoạt động củng cố, dặn dò

– Kết thúc bài học, GV cho cả lớp đọc bài thơ ở mục Ghi nhớ, SGK Đạo đức 2, trang 13 và tùy theo khả năng của HS, có thể yêu cầu các em về nhà học thuộc bài thơ:

Dũng cảm nhận lỗi

Xin lỗi chân thành

Sửa lỗi của mình

Mọi người yêu quý.

– GV nhắc nhở HS nếu mắc lỗi cần dũng cảm nhận lỗi, chân thành xin lỗi và nghiêm túc sửa lỗi của mình.

Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh

GV sử dụng *Thư gửi cha mẹ học sinh* để phối hợp với gia đình HS những nội dung sau:

1. Phụ huynh quan sát, nhắc nhở khi con phạm lỗi; hỗ trợ để con nhận diện được lỗi, biết nhận lỗi và sửa lỗi trong những tình huống, hoàn cảnh cụ thể.
2. Phụ huynh có hình thức khích lệ, động viên kịp thời khi con biết nhận lỗi và sửa lỗi.



Chủ đề: TUÂN THỦ QUY ĐỊNH NƠI CÔNG CỘNG

Bài 15. THỰC HIỆN QUY ĐỊNH NƠI CÔNG CỘNG (4 tiết)

I. MỤC TIÊU

Với bài học này, HS:

- *Nêu được một số quy định cần tuân thủ ở nơi công cộng;*
- *Nêu được vì sao phải tuân thủ quy định nơi công cộng;*
- *Đồng tình với những lời nói, hành vi tuân thủ quy định nơi công cộng; không đồng tình với những lời nói, hành vi vi phạm quy định nơi công cộng;*
- *Thực hiện được các hành vi phù hợp để tuân thủ quy định nơi công cộng.*
- *Về năng lực:*
 - + *Nhận biết chuẩn mực hành vi:* Nhận biết được một số chuẩn mực hành vi đạo đức, nêu được một số quy định cần tuân thủ ở nơi công cộng; nhận biết được sự cần thiết phải tuân thủ quy định nơi công cộng.
 - + *Đánh giá hành vi của bản thân và người khác:* Thể hiện được thái độ đồng tình với những lời nói, hành vi tuân thủ quy định nơi công cộng; không đồng tình với những lời nói, hành vi vi phạm quy định nơi công cộng.
 - + *Điều chỉnh hành vi:* Thực hiện được các hành vi phù hợp để tuân thủ quy định nơi công cộng; nhắc nhở bạn bè cùng tuân thủ các quy định nơi công cộng.
- *Về phẩm chất:*
 - + *Trách nhiệm:* Thể hiện trách nhiệm của bản thân khi thực hiện các quy định nơi công cộng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên: SGK Đạo đức 2, màn hình – máy chiếu (nếu có điều kiện); nhạc và lời bài hát Em đi chơi thuyền; Tranh ảnh phóng to trong SGK Đạo đức 2, trang 65: 5 tranh; trang 66: 4 tranh; trang 67: tranh 1, 2 và 3; bộ tranh, video clip về tuân thủ quy định nơi công cộng.

2. Học sinh: SGK Đạo đức 2, Vở bài tập Đạo đức 2.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Khởi động

Hoạt động 1: Hát bài hát Em đi chơi thuyền.

Mục tiêu: Thu hút sự chú ý của HS vào bài học mới.

Tổ chức thực hiện:

1. GV cho cả lớp hát bài *Em đi chơi thuyền* (nhạc và lời: Trần Kiết Tường).

Nếu HS không biết bài hát này, GV có thể bật bài hát cho HS nghe để các em hiểu nội dung bài hát hoặc có thể sử dụng một bài hát khác nói về các quy định nơi công cộng.

2. Sau khi hát (hoặc nghe bài hát), GV hỏi HS: *Bạn nhỏ trong bài hát đã được dặn như thế nào khi đi chơi thuyền?*

3. GV nhận xét và giới thiệu vào chủ đề bài học: *Hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu về những việc các em cần tuân thủ và thực hiện khi ở nơi công cộng như bạn nhỏ trong bài hát nhé!*

Hoạt động 2: Nêu cảm nhận của em.



Mục tiêu: HS nêu được cảm nhận về việc làm của các bạn trong tranh.

Tổ chức thực hiện:

1. GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SGK Đạo đức 2, trang 64. GV cho HS làm việc theo nhóm đôi, lần lượt mô tả việc làm của các bạn nhỏ trong tranh.

2. GV gọi một số HS nêu việc làm của các bạn nhỏ trong tranh trước lớp.

Gợi ý:

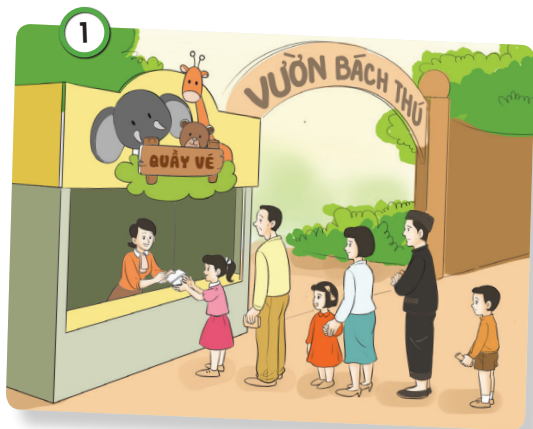
– Bức tranh tả các bạn nhỏ đang đi chơi công viên. Đối chiếu với bảng “Quy định khi vui chơi trong công viên” ở góc bên phải, phía dưới tranh sẽ thấy có bạn tuân thủ, có bạn chưa tuân thủ quy định này. Cụ thể, bạn Bin đang trèo lên tượng ngựa. Một bạn nữ đang cổ vũ Bin. Bạn Cốm đang hái hoa cùng một bạn nữ khác. Bạn Tin đang đá bóng cùng hai bạn khác. Bạn Na đang bỏ rác vào thùng,...

3. GV hỏi một số HS: *Em có cảm nhận như thế nào với những việc làm của các bạn trong tranh?*

4. GV nhận xét, tổng kết hoạt động.

Kiến tạo tri thức mới

Hoạt động: *Tìm hiểu các việc làm tuân thủ quy định nơi công cộng.*





Mục tiêu: HS nêu được những việc cần làm để tuân thủ quy định nơi công cộng và các quy định cần tuân thủ ở nơi công cộng.

Tổ chức thực hiện:

1. GV gọi 1 HS đọc yêu cầu của nhiệm vụ 1 trong SGK, trang 65 cho cả lớp nghe và GV kiểm tra xem HS đã hiểu nhiệm vụ chưa.

2. GV chia lớp thành các nhóm 4, mỗi nhóm sẽ cùng thảo luận về nội dung của 5 bức tranh trang 65, nêu việc làm của các bạn trong tranh và nêu những quy định cần tuân thủ được thể hiện trong tranh.

Gợi ý:

– Tranh 1: Các bạn nhỏ và người lớn đang xếp hàng mua vé vào vườn bách thú. Quy định: Mua vé phải xếp hàng.

– Tranh 2: Các bạn nhỏ đang tắm và đùa nghịch dưới hồ. Trên bờ có biển báo “Hồ chứa nước: Cấm câu; Cấm tắm; Cấm chăn thả”. Quy định: Cấm câu; Cấm tắm; Cấm chăn thả ở hồ chứa nước.

– Tranh 3: Hai bạn nhỏ đang cười đùa to tiếng trên xe buýt, ông cụ ngồi phía trước nét mặt nhăn nhó. Quy định: Không gây mất trật tự nơi công cộng/trên xe buýt.



– Tranh 4: Một bạn nam đang sờ tay vào chiếc bình cổ, phía dưới có biển: “Không chạm vào hiện vật”. Quy định trong bảo tàng: Không chạm vào hiện vật.

– Tranh 5: Hai bạn nam đang đi tham quan và không vứt rác bừa bãi dù chưa tìm thấy thùng rác. Quy định: Không vứt rác bừa bãi ở nơi công cộng.

3. GV gọi đại diện các nhóm lần lượt nêu việc làm của các bạn trong tranh và các quy định cần tuân thủ ở nơi công cộng.

4. GV nhận xét: *Như vậy, trong tranh, có một số bạn đã thực hiện quy định nơi công cộng. Nhưng có một số bạn khác lại vi phạm quy định nơi công cộng. Các bạn đã thực hiện quy định nơi công cộng như thế nào?*

5. GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm đôi, xác định việc làm nào tuân thủ quy định nơi công cộng, việc làm nào vi phạm quy định nơi công cộng.

– Tranh 1, tranh 5: Tuân thủ quy định nơi công cộng.

– Tranh 2, 3, 4: Vi phạm quy định nơi công cộng.

6. GV nhận xét và yêu cầu HS tiếp tục hoạt động theo nhóm đôi, kể thêm những quy định khác cần tuân thủ ở nơi công cộng mà các em biết.

7. GV gọi một số HS chia sẻ trước lớp về các quy định cần tuân thủ ở nơi công cộng. Ví dụ: Không nhổ bã kẹo cao su ra đường; không hái hoa, bẻ cành cây trong công viên; nhường ghế trên xe buýt cho người già,...

8. GV yêu cầu HS đọc yêu cầu 4 trong SGK, trang 65: *Vì sao phải tuân thủ quy định nơi công cộng?*

9. GV gọi một số HS trả lời trước lớp. Có thể gợi ý để HS hoạt động theo nhóm đôi trước khi trình bày trước lớp nếu HS gặp khó khăn trong việc nêu lí do phải tuân thủ quy định nơi công cộng: Nêu ích lợi của việc tuân thủ quy định nơi công cộng; Điều gì sẽ xảy ra nếu các bạn vi phạm quy định nơi công cộng?/Nêu tác hại của việc không tuân thủ quy định nơi công cộng.

10. GV mời một số HS nhận xét, góp ý và chuyển tiếp sang hoạt động sau.

Luyện tập

Hoạt động 1: Lựa chọn của em.

1. Chia sẻ ý kiến của em về việc làm của Tin. Nếu là Tin, em sẽ làm gì?



2. Nhận xét về việc làm của Na. Nếu là Na, em sẽ làm gì?



Mục tiêu: HS nhận xét được hành động của các nhân vật trong tình huống và đưa ra lời khuyên phù hợp.

Tổ chức thực hiện:

1. GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm đôi, quan sát tranh và nhận xét về hành động của các bạn trong 2 tranh đầu ở trang 66 SGK theo gợi ý:

- Các bức tranh vẽ gì?
- Em nhận xét gì về việc làm của Tin và Na?/ Em đồng tình hay không đồng tình với việc làm của Tin và Na? Vì sao?
- Em hãy đưa ra lời khuyên cho các bạn.

2. GV gọi 1 – 2 HS mỗi tranh, gọi HS khác góp ý, bổ sung (nếu có). GV nhận xét phần trả lời của HS.

Gợi ý:

– Tranh 1: Tin và mẹ đi tàu du lịch. Mẹ bảo Tin mặc áo phao nhưng Tin không mặc và trả lời là vướng lắm.

+ Không đồng tình với việc làm của Tin vì Tin không thực hiện quy định phải mặc áo phao khi đi tàu biển.

+ Tin nên mặc áo phao để tuân thủ quy định nhằm đảm bảo an toàn tính mạng khi đi tàu, thuyền.

– Tranh 2: Na đang chơi xích đu trong khu vui chơi. Na vừa đu vừa nhỏ bã kẹo cao su xuống đất.

+ Không đồng tình với việc làm của Na vì Na đã làm bẩn khu vui chơi.

+ Na nên bỏ bã kẹo cao su vào thùng rác ở góc khu vui chơi.

3. GV nhận xét, tổng kết hoạt động.

Hoạt động 2: Xử lý tình huống.



Mục tiêu: HS xử lý được tình huống liên quan đến việc thực hiện quy định nơi công cộng.

Tổ chức thực hiện:

1. GV chia lớp thành các nhóm 4 HS.

2. GV yêu cầu các nhóm quan sát tình huống 1 (bạn nam đang đùa nghịch với các nút bấm trong thang máy), thảo luận, nêu tác hại việc bạn nam đang làm và đưa ra cách ứng xử phù hợp (khuyến can, ngăn chặn).

3. GV gọi 2 – 3 nhóm nêu hoặc sắm vai cách xử lý tình huống, các nhóm khác bổ sung, góp ý.

Lưu ý: GV khuyến khích HS đưa ra nhiều cách xử lý sáng tạo và chú ý phân tích ích lợi của từng phương án cho HS hiểu rõ.

4. GV thực hiện tương tự đối với tình huống 2 (các bạn nhỏ sẽ làm gì khi có người già bước vào trạm xe buýt).

5. GV nhận xét, tổng kết hoạt động.

Hoạt động 3: Sắm vai tuyên truyền các quy định nơi công cộng.



Mục tiêu: HS sắm vai thực hiện được những việc làm tuyên truyền các quy định nơi công cộng.

Tổ chức thực hiện:

1. GV chia lớp thành các nhóm 4, mỗi nhóm sẽ cùng thảo luận về nội dung của 3 bức tranh trong SGK, trang 67 và nêu việc làm của các bạn trong tranh.

Gợi ý:

- Tranh 1: Các bạn nhỏ đang phát tờ rơi về việc tuân thủ quy định nơi công cộng.
- Tranh 2: Một bạn nữ đang giải thích cho các em nhỏ những lưu ý khi đi bộ qua đường.

– Tranh 3: Các bạn nhỏ đang diễn hoạt cảnh/sắm vai tình huống bơi dưới hồ, một bạn khác nhắc nhở.

2. GV gọi đại diện các nhóm lần lượt nêu việc làm của các bạn trong tranh mà các bạn vừa trao đổi.

3. GV nhận xét: *Như vậy, chúng ta thấy các bạn nhỏ trong tranh đã thực hiện một số việc làm để tham gia tuyên truyền các quy định nơi công cộng như phát tờ rơi, giải thích về các quy định nơi công cộng, xử lý các tình huống tuân thủ quy định nơi công cộng.*

4. GV tiếp tục cho HS hoạt động theo nhóm 4, mỗi nhóm lựa chọn một hoạt động các em thích nhất để sắm vai tuyên truyền các quy định nơi công cộng.

5. GV gọi một số nhóm diễn hoạt cảnh trước lớp, gọi các nhóm có cùng lựa chọn nhận xét, góp ý và chuyển tiếp sang hoạt động sau.

Vận dụng

Hoạt động 1: Kể lại câu chuyện về việc vi phạm quy định nơi công cộng mà em chứng kiến.

Mục tiêu: HS kể lại được một việc người khác vi phạm quy định nơi công cộng và nêu được cảm nhận của bản thân về việc vi phạm đó.

Tổ chức thực hiện:

1. GV yêu cầu HS đọc yêu cầu 1 trong pha Vận dụng ở SGK, trang 67 và yêu cầu HS hoạt động theo nhóm đôi, kể lại một lần em chứng kiến người khác vi phạm quy định nơi công cộng và trả lời các câu hỏi sau:

- Người đó đã vi phạm cụ thể quy định gì, ở đâu?
- Tác hại của việc vi phạm đó là gì?
- Cảm nhận của em khi đó như thế nào?
- Nếu gặp lại tình huống tương tự, em sẽ làm gì?, v.v.

2. GV gọi một số HS chia sẻ và trả lời các câu hỏi theo yêu cầu.

3. GV nhận xét, tổng kết hoạt động.

Hoạt động 2: Chia sẻ việc thực hiện các quy định nơi công cộng.

Mục tiêu: HS chia sẻ được với bạn về những việc làm của bản thân khi thực hiện các quy định nơi công cộng

Tổ chức thực hiện:

1. GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm đôi, chia sẻ với bạn về những việc em đã làm để thực hiện các quy định nơi công cộng theo gợi ý:

- Em đã thực hiện việc làm nào, ở đâu?
- Em cảm thấy như thế nào khi thực hiện các việc làm đó?

2. GV gọi 4 – 5 HS chia sẻ trước lớp về những việc làm tuân thủ quy định nơi công cộng.

4. GV nhận xét, tổng kết hoạt động.

Hoạt động củng cố, dặn dò

Mục tiêu: HS ôn lại được những kiến thức, kĩ năng đã được học; liên hệ và điều chỉnh việc làm của bản thân để thực hiện các quy định nơi công cộng.

Tổ chức thực hiện:

1. GV nêu các câu hỏi cho HS chia sẻ:

- Em hãy nêu các việc làm thể hiện sự tuân thủ quy định nơi công cộng.
- Vì sao chúng ta cần phải tuân thủ quy định nơi công cộng?

2. GV đọc nội dung phần Ghi nhớ, SGK Đạo đức 2, trang 67 cho cả lớp nghe và cho cả lớp đọc đồng thanh bài thơ để ghi nhớ nội dung của bài học:

*Quy định công cộng đặt ra
Nhắc nhau tuân thủ cùng là thực thi
Lời nói hay những hành vi
Trái với quy định chẳng khi nào làm.*

3. GV dặn dò HS về nhà tiếp tục rèn luyện, thực hiện các quy định nơi công cộng.

Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh

GV sử dụng *Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh* để cùng phối hợp với gia đình HS trong những nội dung sau:

1. Phụ huynh thường xuyên nhắc nhở con thực hiện các quy định khi tới những nơi công cộng.
2. Phụ huynh quan sát, nhắc nhở, điều chỉnh hành vi của con để con luôn thực hiện những việc làm tuân thủ quy định nơi công cộng; động viên, khích lệ con tham gia tuyên truyền về tuân thủ quy định nơi công cộng.



II. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC DẠNG BÀI GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG

1. Hướng dẫn tổ chức dạy học

1.1. Giai đoạn Khởi động – tạo cảm xúc

GV tổ chức hoạt động Khởi động – tạo cảm xúc nhằm khai thác kinh nghiệm của HS, khơi gợi cảm xúc vốn có của các em về những vấn đề thực tiễn liên quan đến kĩ năng sống phù hợp với lứa tuổi và yêu cầu của chương trình Giáo dục Đạo đức. Hoạt động này giúp HS nhận ra được kĩ năng sống cần được trang bị để giải quyết các vấn đề của thực tiễn, từ đó thúc đẩy việc tìm hiểu và suy nghĩ về cách thức thực hiện các kĩ năng sống tương ứng.

Câu hỏi đặt ra trong giai đoạn này thường là:

- Em đã từng tham gia/chứng kiến, thực hiện... chưa?
- Kết quả/hậu quả/... thế nào?
- Em thấy mình đã làm tốt/chưa tốt... điều gì?
- Điều gì em cần tiếp tục học hỏi/hoàn thiện?

Những câu hỏi, cách đặt vấn đề cần: một mặt, khai thác xem HS đã biết những gì, biết đến đâu về những kiến thức, kĩ năng liên quan đến nội dung bài học; mặt khác, kích thích, khơi dậy nhu cầu tìm hiểu, hoàn thiện các kĩ năng sống còn thiếu hụt trong mỗi HS, tạo động lực để HS hứng thú học tập trong giai đoạn sau.

1.2. Giai đoạn Kiến tạo tri thức mới

GV tổ chức hoạt động Kiến tạo tri thức mới, nhằm hướng dẫn HS liên kết kinh nghiệm thực tiễn với những tri thức liên quan đến kĩ năng sống cần được trang bị, từ đó xác định được cách thức thực hiện kĩ năng sống phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể. Các kiến thức về kĩ năng được trang bị trong giai đoạn này. Với những bài học kĩ năng sống, việc nhận thức, nắm bắt các kĩ năng cần được chú trọng. GV đóng vai trò của người hướng dẫn, HS là người phản hồi, trình bày quan điểm/ý kiến, đặt câu hỏi/ trả lời.

Câu hỏi đặt ra cho HS trong giai đoạn này định hướng cho HS nhận thức về nguyên nhân, kết quả của việc thiếu hụt kĩ năng sống, từ đó nêu ra những việc cần phải làm và làm như thế nào cho phù hợp, thường là:

- Điều gì sẽ xảy ra nếu...?
- Vì sao phải thực hiện...?
- Các bước/cách thức... nên làm là gì?

1.3. Giai đoạn Luyện tập

GV cần tổ chức các hoạt động cho HS có cơ hội thực hành kiến thức và kĩ năng mới vào một bối cảnh/hoàn cảnh/điều kiện có ý nghĩa. Thông qua hoạt động Luyện tập, GV định hướng cho HS thực hành đúng cách, điều chỉnh những hiểu biết, kĩ năng còn chưa đúng. Qua đó, HS có thể tiếp tục học hỏi, điều chỉnh kĩ năng của mình để phù hợp với từng điều kiện, hoàn cảnh cụ thể.

Các hoạt động học tập của giai đoạn này thường tập trung vào cách làm:

- Làm/nói/nghe... thế nào cho đúng/cho phù hợp?
- Các bước/quy trình... thực hiện như thế nào?

1.4. Giai đoạn Vận dụng

GV tổ chức hoạt động để tạo cơ hội cho HS tích hợp, mở rộng và vận dụng kinh nghiệm, kiến thức, kĩ năng đã được luyện tập, thực hành ở hoạt động trước vào các tình huống/bối cảnh mới. GV tổ chức các hoạt động để HS gắn kết các tình huống thực tiễn của chính các em. Hoạt động này giúp HS thể hiện sự linh hoạt, sáng tạo của bản thân khi phải cân nhắc lựa chọn các kĩ năng đã học vào giải quyết các tình huống cụ thể theo cách hiệu quả nhất, đồng thời hình thành các kĩ năng sống cần thiết, rèn luyện thói quen sống lành mạnh.



2. Ví dụ minh họa

Chủ đề: TÌM KIẾM SỰ HỖ TRỢ

Bài 11. TÌM KIẾM SỰ HỖ TRỢ KHI Ở NHÀ, Ở TRƯỜNG (3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Với bài này, HS:

- *Nêu được một số tình huống cần tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nhà, ở trường;*
- *Nêu được vì sao phải tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nhà, ở trường;*
- *Thực hiện được việc tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nhà, ở trường.*
- *Về năng lực:*

+ *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Nêu được một số tình huống cần tìm kiếm sự hỗ trợ của người khác khi ở nhà, ở trường; thực hiện được việc tìm kiếm sự hỗ trợ của người khác khi ở nhà, ở trường.

- *Về phẩm chất:*

+ *Trách nhiệm:* Biết tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nhà, ở trường và nhắc nhở bạn bè, người thân tìm kiếm sự hỗ trợ khi cần thiết.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên: SGK Đạo đức 2, bộ tranh vẽ kĩ năng tự bảo vệ.

2. Học sinh: SGK Đạo đức 2, vở bài tập Đạo đức 2 (nếu có).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Khởi động

Hoạt động: Quan sát tranh và trả lời câu hỏi.

Mục tiêu: HS dựa vào kinh nghiệm cá nhân và việc quan sát tranh để chia sẻ cảm nhận khi gặp những tình huống nguy hiểm; qua đó các em thấy được sự cần thiết của việc tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nhà, ở trường.

Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS quan sát tranh vẽ trong SGK Đạo đức 2, trang 46 và trả lời các câu hỏi:

- *Nội dung từng tranh vẽ gì?*
- *Gặp tình huống như Na hoặc Bin, em cảm thấy thế nào?*

Quan sát các tình huống sau:

1

Ồi, lửa cháy to quá!



2

Ồi, đau quá!



Gặp tình huống như Na hoặc Bin, em cảm thấy thế nào?

2. HS dựa vào kinh nghiệm cá nhân và hình ảnh trong tranh vẽ nêu cảm nhận của mình.

Gợi ý:

– Tranh 1: Na đang đứng gần và chứng kiến ngọn lửa bùng lên ở bếp ga. Nếu là Na, em sẽ thấy rất sợ vì ngọn lửa có thể bùng lên làm cháy đồ đạc trong nhà, thậm chí cháy nhà,... rất nguy hiểm.

– Tranh 2: Bin đang ôm bụng, mặt nhăn nhó, toát mồ hôi, có thể bạn đang bị đau bụng và cảm thấy rất khó chịu.

3. GV đặt thêm câu hỏi để HS suy nghĩ và trả lời: Nếu em là Na hoặc Bin, em sẽ làm gì khi đó?

Gợi ý:

– Nếu là Na, em sẽ hô thật to để gọi những người xung quanh giúp đỡ, hoặc em sẽ gọi điện ngay cho người thân để được hướng dẫn cách xử lý kịp thời,...

– Nếu là Bin, em sẽ lên thưa với cô giáo/nhờ bạn nói với cô/nhờ bạn đưa đến phòng y tế của trường/tự mình đến phòng y tế của trường để được giúp đỡ,...

4. GV nhận xét và tổng kết lại hoạt động.

Kết luận: Trong cuộc sống hằng ngày ở nhà hoặc ở trường, đôi lúc chúng ta sẽ gặp phải những khó khăn, nguy hiểm mà tự chúng ta không thể giải quyết được. Khi đó, chúng ta cần tìm kiếm sự hỗ trợ từ người khác.

Kiến tạo tri thức mới

Hoạt động 1: Tìm hiểu cách tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nhà, ở trường.

1. Các bạn trong tranh đã gặp những khó khăn gì?





2. Kể thêm những tình huống em cần sự hỗ trợ khi ở nhà, ở trường.

3. Vì sao phải tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nhà, ở trường?

Mục tiêu: HS kể được một số tình huống cần sự hỗ trợ và nêu được vì sao cần tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nhà, ở trường.

Tổ chức thực hiện:

1. GV chia lớp thành các nhóm 2 – 4 HS, yêu cầu HS quan sát tranh trang 47, 48 trong SGK và trả lời câu hỏi: *Các bạn trong tranh đã gặp những khó khăn gì?*

2. GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả thảo luận. GV đưa ra đáp án.

Gợi ý:

- Tranh 1: Bạn nữ bị một nhóm bạn chế giễu, không chơi cùng.
- Tranh 2: Bìn đang chơi thì bị ngã chảy máu.
- Tranh 3: Na đang ở nhà một mình thì có người lạ đến gõ cửa, yêu cầu mở cửa ra.
- Tranh 4: Bạn nữ bị một chú lớn tuổi có hành động vuốt ve thân mật khiến bạn ấy không thoải mái và lo lắng.
- Tranh 5: Bạn nam đang cùng mẹ lau cửa sổ nhưng chỗ bẩn ở trên cao, bạn không thể với tới được.

3. GV tổ chức cho cả lớp trao đổi:

- *Kể thêm những tình huống cần sự hỗ trợ khi ở nhà, ở trường.*
- *Vì sao phải tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nhà, ở trường?*

Gợi ý:

- Những tình huống em có thể cần sự hỗ trợ khi ở nhà hoặc ở trường là:
 - + *Em bị các bạn bắt nạt hoặc chứng kiến bạn mình bị bắt nạt.*
 - + *Em bị ngã, bị đau khi ở nhà/ở trường.*
 - + *Người lạ đến nhà yêu cầu em mở cửa.*
 - + *Em gặp bài khó không thể tự giải được.*
 - +
 - Việc tìm kiếm sự hỗ trợ kịp thời sẽ giúp chúng ta tránh được những nguy hiểm và hậu quả đáng tiếc xảy ra.
4. GV nhận xét và tổng kết lại hoạt động.

Hoạt động 2: Tìm hiểu cách tìm kiếm sự hỗ trợ khi gặp khó khăn ở nhà, ở trường.

a. Khi ở trường

1 Bài đọc nhạc này khó quá! Tập mãi chẳng được.

2 Bạn giúp tớ đọc đoạn nhạc này nhé!

3 Cảm ơn bạn nhé!

b. Khi ở nhà

1 Ôi, mình bị sốt rồi!

2 Mẹ ơi, con bị sốt. Mẹ về với con, mẹ nhé!

3 Con cảm ơn mẹ!

Mục tiêu: HS biết được một cách tìm kiếm sự hỗ trợ khi gặp khó khăn ở nhà, ở trường.

Tổ chức thực hiện:

1. GV yêu cầu HS quan sát tranh trang 49 SGK, thảo luận theo nhóm đôi và trả lời các câu hỏi:

– Hai bạn nhỏ trong tranh gặp phải khó khăn gì khi ở trường, ở nhà?

– Các bạn ấy đã từng bước giải quyết khó khăn ấy như thế nào?

2. GV tổ chức cho các nhóm HS trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác lắng nghe, bổ sung, góp ý.

Gợi ý:

a. Bạn nam gặp khó khăn khi đọc nhạc. Bạn ấy đã nhận ra khó khăn của mình là tập mãi không được; sau đó bạn ấy nghĩ đến người có thể giúp bạn ấy là bạn quản ca nên đã chủ động nhờ bạn quản ca giúp. Sau khi được giúp đỡ, bạn ấy đã cảm ơn bạn quản ca.

b. Bạn nữ phát hiện ra mình bị sốt khi đang ở nhà một mình. Bạn đã gọi điện thoại để báo cho mẹ biết. Nhờ vậy, mẹ bạn ấy đã về chăm sóc bạn ấy. Bạn ấy đã biết nói lời cảm ơn khi được mẹ chăm sóc kịp thời.

3. GV nhận xét và chốt lại:

Khi gặp khó khăn, các em có thể tìm kiếm sự hỗ trợ của thầy cô, bạn bè khi ở trường hoặc của cha mẹ, người thân khi ở nhà bằng cách gặp trực tiếp hoặc gọi điện thoại. Sau khi được hỗ trợ, các em cần chân thành cảm ơn người đã giúp đỡ mình vượt qua khó khăn.

Luyện tập

Hoạt động 1: Lựa chọn cách xử lý tình huống.

1. Quan sát tình huống 1 ở phần Khởi động và lựa chọn cách xử lý phù hợp.

Cách 1:



Cách 2:



Mục tiêu: HS lựa chọn được cách xử lý tình huống phù hợp liên quan đến việc tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nhà, ở trường

Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS xem 2 tranh về 2 cách xử lý tình huống ở phần Khởi động và lựa chọn cách xử lý phù hợp.

2. GV gọi một số HS nêu lựa chọn của mình và giải thích lí do vì sao em lựa chọn cách đó mà không chọn cách còn lại.

Gợi ý:

– Nên lựa chọn cách 2 vì nếu bạn nữ không gọi điện báo cho người thân thì ngọn lửa có thể bùng lên dẫn đến nhiều hậu quả nghiêm trọng như cháy đồ đạc, cháy nhà,... rất nguy hiểm. Nhờ việc gọi điện cho người thân, bạn ấy sẽ được hướng dẫn cách xử lý tình huống để tránh được những nguy hiểm đó.

3. GV có thể hỏi thêm: *Với tình huống trên, em còn có thể có cách xử lý nào khác?*

4. HS nêu ý kiến của mình dựa vào kinh nghiệm, điều kiện sống. Mọi ý kiến hợp lí đều được khuyến khích và ghi nhận (ví dụ: nếu HS sống ở khu chung cư, có thể báo với ban quản lí tòa nhà, ấn chuông báo cháy; nếu HS sống ở nông thôn, em có thể hô to để nhờ hàng xóm giúp,...).

5. GV nhận xét và tổng kết hoạt động.

Hoạt động 2: Xử lý tình huống.

2. Nếu là các bạn trong tranh, em sẽ làm gì trong các tình huống sau?



3. Sắm vai xử lý tình huống của hoạt động 1 phần Kiến tạo tri thức mới.

Mục tiêu: HS nêu được cách xử lý tình huống liên quan đến việc tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nhà, ở trường

Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS quan sát tranh 1, 2 trang 50 SGK và thực hiện yêu cầu: *Nếu là các bạn trong tranh, em sẽ làm gì trong các tình huống sau?*

2. GV có thể gợi ý cho HS theo hệ thống câu hỏi:

– Từng bạn đang gặp phải khó khăn gì?

– Nếu em là các bạn, em sẽ làm gì?

3. GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả thảo luận, các nhóm khác góp ý, bổ sung.

Gợi ý:

– Tranh 1: Bạn nam đang chơi cầu lông thì không may, quả cầu bị vướng trên cành cây cao. Nếu em là bạn, em sẽ nhờ một người lớn lấy giúp, sau đó sẽ lễ phép cảm ơn người ấy.

– Tranh 2: Bạn nam không thể khoá được vòi nước, nếu cứ để như vậy thì nước có thể chảy khắp nhà và rất nguy hiểm. Nếu là bạn ấy, em có thể gọi điện thoại cho người thân trong gia đình để nhờ giúp đỡ,...

Lưu ý: GV có thể cho các nhóm trả lời câu hỏi trên bằng các hình thức khác nhau: nhóm sắm vai, nhóm đưa ra ý kiến,...

4. GV tiếp tục cho HS sắm vai xử lý tình huống của hoạt động 1 phần Kiến tạo trí thức mới, sau đó nhận xét và tổng kết hoạt động.

Vận dụng

Hoạt động 1: Chia sẻ cách tìm kiếm sự hỗ trợ khi gặp khó khăn ở nhà, ở trường.

Mục tiêu: HS biết thêm cách tìm kiếm sự hỗ trợ khi gặp khó khăn ở nhà, ở trường.

Tổ chức thực hiện:

1. GV có thể cho HS chia sẻ cách tìm kiếm sự hỗ trợ theo trải nghiệm cá nhân hoặc chia lớp thành các nhóm và phát cho mỗi nhóm một bảng ghi sẵn 2 cột “Ở nhà” và “Ở trường”.

2. HS hội ý trong nhóm và ghi cách tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nhà, ở trường vào bảng trong thời gian 5 phút. Đội nào ghi được nhiều cách tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nhà, ở trường nhất sẽ là đội chiến thắng.

3. GV tổ chức cho các nhóm chia sẻ trước lớp và tổng kết hoạt động.

Hoạt động 2: Nhắc nhở các bạn và người thân tìm kiếm sự hỗ trợ khi cần thiết.

Mục tiêu: HS có ý thức nhắc nhở bạn bè, người thân tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nhà, ở trường.

Tổ chức thực hiện:

1. GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 4, yêu cầu mỗi nhóm bốc thăm chọn một trong số các tình huống do GV đưa ra.
2. Các nhóm thảo luận cách xử lý và sắm vai thực hành nhắc nhở bạn hoặc người thân tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nhà, ở trường.
3. GV mời một vài nhóm thực hành sắm vai trước lớp. Cả nhóm khác nhận xét, góp ý cách xử lý tình huống của nhóm bạn.

Hoạt động củng cố, dặn dò

Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học, liên hệ và điều chỉnh được việc làm của bản thân để tìm kiếm sự hỗ trợ ở nhà, ở trường khi cần thiết.

Tổ chức thực hiện:

1. GV nêu câu hỏi cho HS chia sẻ:

- Vì sao cần tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nhà, ở trường?
- Nêu điều mà em cần thay đổi để tìm kiếm sự hỗ trợ khi ở nhà, ở trường.

Lưu ý: Mỗi HS có thể trả lời khác nhau dựa vào kinh nghiệm của các em.

2. GV tổ chức cho cả lớp đọc phần Ghi nhớ trong SGK Đạo đức 2, trang 51:

*Ở nhà hay ở trường
Có lúc gặp khó khăn
Bình tĩnh nhờ hỗ trợ
Của bạn bè, người thân.*

3. GV dặn dò HS:

- Em hãy nhớ tìm kiếm sự hỗ trợ mỗi khi gặp khó khăn ở nhà, ở trường
- Nhắc nhở các bạn và người thân thực hiện tìm kiếm sự hỗ trợ khi cần thiết.

Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh

GV sử dụng *Thư gửi các bậc cha mẹ học sinh* để cùng phối hợp với gia đình HS trong những nội dung sau:

1. Phụ huynh thường xuyên nhắc nhở con biết tìm kiếm sự hỗ trợ ở nhà, ở trường khi cần thiết.
2. Phụ huynh quan sát và điều chỉnh kĩ năng tìm kiếm sự hỗ trợ của con khi cần thiết.

**Chịu trách nhiệm xuất bản:**

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo:

Phó Tổng biên tập PHẠM QUỲNH
Giám đốc Công ty CP DVXBGD Gia Định TRẦN THỊ KIM NHUNG

Biên tập nội dung: VŨ TRỌNG THANH

Thiết kế sách: BÙI THỊ NGỌC LAN

Trình bày bìa: NGUYỄN MẠNH HÙNG

Sửa bản in: TRỌNG THANH

Chế bản: CÔNG TY DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Địa chỉ sách điện tử và tập huấn qua mạng:

- Sách điện tử: nxbgd.vn/sachdientu
- Tập huấn online: nxbgd.vn/taphuan

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN GIÁO VIÊN ĐẠO ĐỨC 2 –
BỘ SÁCH: CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**

Mã số: ...

In bản, (QĐ) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in: địa chỉ

Cơ sở in: địa chỉ

Số ĐKXB: .../CXBIPH/.....GD.

Số QĐXB: .../QĐ– GD – HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN: